TườngAn

Đong đầy vị hạnh phúc

LẤP ĐẦY
GIAN BẾP VIỆT

2017 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NỘI DUNG

GIỚI THIỆU

Tầm nhìn 06
Giá trị 08
Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị 10
Thông điệp Tổng Giám đốc Điều hành 12
Ban Lãnh đạo 14

CHIẾN LƯỢC & VẬN HÀNH

Câu chuyện của chúng tôi 20
Tổng quan về Công ty 22
Các hoạt động 24
Phân phối và bán hàng 26
Chiến lược của chúng tôi 28
Nền tảng phân phối của Tường An 29
Chiến lược sản phẩm 30
Danh mục sản phẩm 34
Trách nhiệm xã hội của Công ty 36
Cam kết của chúng tôi 38

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Thương hiệu 44
Môi trường kinh doanh 46
Các điểm nổi bật về tài chính 48
Hoạt động tài chính 50
Quản lý rủi ro 52
Các cuộc họp và nghị quyết của HĐQT 54

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo kiểm toán 58
Thuyết minh Báo cáo tài chính 69

Tung hoành
gian bếp nhỏ

GIỚI THIỆU

06 Tầm nhìn
08 Giá trị
10 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị
12 Thông điệp Tổng Giám đốc Điều hành
14 Ban Lãnh đạo

40 năm có mặt trên thị trường Việt Nam, Tường An đã khẳng định thương hiệu dầu ăn lâu đời và uy tín.

Trở thành thành viên của Tập đoàn KIDO từ cuối năm 2016, Tường An là thành viên đã góp phần quan trọng trong chiến lược phát triển mở rộng thị trường thực phẩm đóng gói của Tập đoàn. Chào mừng 40 năm hình thành và phát triển bằng chuỗi các hoạt động nổi bật, Tường An hiện là một trong những thương hiệu dẫn đầu thị trường dầu ăn tại Việt Nam với mức độ nhận diện cao nhất.

Tầm nhìn của Tập đoàn KIDO

"THÊM HƯƠNG VỊ CHO CUỘC SỐNG BẰNG NHỮNG SẢN PHẨM TIỆN LỢI, DINH DƯỠNG VÀ TỐT CHO SỨC KHỎE"

Là một trong những thương hiệu dầu ăn hàng đầu tại Việt Nam.

Tường An tiếp tục thúc đẩy quá trình phân phối sản phẩm rộng khắp nhằm hiện thực chiến lược của Tập đoàn KIDO trong việc cung cấp đúng sản phẩm, đến đúng nơi và đúng thời điểm cho người tiêu dùng trên khắp cả nước. Để làm được điều này, Tường An đã đa dạng hóa danh mục sản phẩm với mục đích tạo ra một giỏ hàng hóa thực phẩm phục vụ cho nhu cầu người tiêu dùng suốt cả ngày. Các sản phẩm đảm bảo cung cấp đầy đủ dinh dưỡng, tiện lợi và tốt cho sức khỏe, đáp ứng nhu cầu, khẩu vị của người tiêu dùng Việt Nam.

GIÁ TRỊ

TÔN TRỌNG

“Sự tôn trọng là phần thưởng cao quý nhất mà người lao động mong đợi”
Để có thể phát triển bền vững, Tường An luôn xem trọng nhân tài, khuyến khích sự sáng tạo, luôn đánh giá cao sự gắn bó và khen thưởng xứng đáng cho những nỗ lực, phấn đấu của từng thành viên đóng góp vào thành công chung của cả Công ty.

TÍNH SÁNG TẠO

“Ngày hôm nay phải tốt hơn ngày hôm qua”
Nguyên tắc của chúng tôi là kết hợp giữa kinh nghiệm trong ngành và liên tục cải tiến, sáng tạo, đổi mới để có thể cung cấp các sản phẩm chất lượng. Điều này đồng thời cũng giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty ngày càng hiệu quả.

TÍNH HÀI HÒA

“Cùng nhau làm nên chiến thắng và cùng nhau chia sẻ thành quả”
Tại Tường An, chúng tôi tin rằng thành công bền vững chỉ tồn tại khi chúng ta biết chia sẻ hài hòa lợi ích giữa khách hàng, cổ đông, đối tác, nhân viên trong Công ty và cộng đồng xã hội.

TINH THẦN VƯƠN LÊN

“Chiến thắng chớ kiêu ngạo, thất bại chớ nản lòng”
Đội ngũ CBCNV Tường An luôn theo sát sự chỉ đạo của Công ty, cùng nhau vượt qua mọi khó khăn, thách thức để hoàn thành mục tiêu.

TÍNH HIỆU QUẢ

“Chủ động trong kinh doanh, quản lý chặt chẽ, và hướng đến lợi ích lâu dài”
Tất cả mọi hoạt động của Tường An đều nhằm mang lại giá trị và hiệu quả cao nhất.

TÍNH CỞI MỞ

“Luôn thẳng thắn, gắn kết và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm”
Trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và tận tâm đóng góp chính là sức mạnh cho sự phát triển bền vững của tập thể Tường An.

TÍNH LIÊM CHÍNH

“Thẳng đường tiến bước”
Hoạt động kinh doanh của Tường An tuân thủ với luật và các quy định về quản lý của Nhà nước, bảo đảm tính minh bạch trong tất cả các hoạt động.

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

“ Sau một năm chính thức trở thành thành viên của Tập đoàn KIDO, Tường An đã hội nhập cùng Đại gia đình KIDO và đóng vai trò quan trọng trong việc gắn kết cùng Tập đoàn hiện thực hóa chiến lược “Lấp đầy gian bếp Việt” ”

Kính thưa Quý cổ đông,

Sau một năm chính thức trở thành thành viên của Tập đoàn KIDO, Tường An đã hội nhập cùng Đại gia đình KIDO và đóng vai trò quan trọng trong việc gắn kết cùng Tập đoàn hiện thực hóa chiến lược “Lấp đầy gian bếp Việt”. Để hiện thực hóa chiến lược, chúng tôi tập trung xây dựng nền tảng phân phối và đẩy mạnh phát triển mảng kinh doanh thực phẩm đóng gói để đáp ứng nhu cầu và đem đến sự tiện lợi cho khách hàng.

Trong giai đoạn đầu của quá trình hội nhập, Tường An đã gắn kết hiệu quả nền tảng phân phối của mình cùng với Tập đoàn KIDO. Đặc biệt trong năm 2017, chúng tôi đã tổ chức kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty và tự hào khẳng định rằng những giá trị cốt lõi sẽ được Tường An tiếp tục gìn giữ và phát huy. Với sự am hiểu sâu sắc về lĩnh vực dầu ăn và thương hiệu dầu ăn 40 năm ghi dấu ấn đậm nét trong lòng người tiêu dùng chúng tôi có thể tận dụng hiệu quả những cải tiến, đổi mới sau quá trình hội nhập. Cùng sự hỗ trợ và tận dụng lợi thế, thế mạnh cốt lõi của Tập đoàn KIDO với hệ thống phân phối gần 450.000 điểm bán trên toàn quốc, chúng tôi đã định hướng lại chiến lược hoạt động và xác định mục tiêu phát triển mạnh mẽ hơn, nhờ đó Tường An đã đạt được mức tăng trưởng lợi nhuận cao đáp ứng kỳ vọng của Quý vị cổ đông. Chúng tôi nhận thấy xu hướng trong tương lai cho mảng thực phẩm tiêu dùng của Việt Nam đang dịch chuyển và người tiêu dùng tìm kiếm các sản phẩm dựa trên mức độ tiện lợi. Do đó, Tường An đã chủ động định vị mục tiêu phát triển thông qua việc tập trung mở rộng danh mục sản phẩm thực phẩm đóng gói với mong muốn cung cấp cho người tiêu dùng những giỏ hàng với các sản phẩm có thể đáp ứng nhu cầu mua sắm cơ bản của mọi người, mọi nhà. Cùng với mạng lưới phân phối rộng khắp, Tường An có thể phân phối sản phẩm, đến đúng nơi, vào đúng thời điểm với giá cả hợp lý cho người tiêu dùng một cách nhanh chóng và dễ dàng.

Chúng tôi hiểu rằng bên cạnh các chiến lược kinh doanh đúng đắn và cơ cấu vận hành hiệu quả thì lòng tin và sự yêu mến của người tiêu dùng cũng như cộng đồng đối với sản phẩm và thương hiệu của Tường An chính là yếu tố quan trọng góp phần mang đến sự tăng trưởng bền vững của Công ty. Hành trình 40 năm của chúng tôi ghi dấu bước ngoặt quan trọng của thương hiệu Tường An, bước ngoặt 40 năm đồng hành cùng gian bếp Việt. Được trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống hằng ngày của đại đa số gia đình Việt là một niềm tự hào đối với chúng tôi, Tường An cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực nghiên cứu và đổi mới sản phẩm để mỗi sản phẩm đến tay người tiêu dùng mang lại giá trị và điều đó sẽ làm tăng thêm sự ủng hộ của người tiêu dùng để sản phẩm Tường An luôn hiện diện trong mỗi gian bếp của gia đình Việt. Điều đó sẽ mang lại lợi thế cạnh tranh dài hạn cho Công ty.

Nhìn về chặng đường đã qua, Tường An trân trọng sự đồng hành, ủng hộ của Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư, nhà cung cấp, nhà phân phối và toàn thể cán bộ công nhân viên đã góp phần quan trọng trong sự thành công của Tường An.

Kính chúc Quý vị thật nhiều sức khỏe, hạnh phúc, thành công và chúng tôi mong nhận được sự ủng hộ và hợp tác của Quý vị ngày càng bền chặt hơn trong chặng đường sắp tới.

NGUYỄN THỊ HẠNH

Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An (TAC)

THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Kính thưa Quý cổ đông,

Tôi rất hân hạnh được trình bày với Quý cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh của Tường An trong năm vừa qua. Sau một năm chính thức trở thành thành viên của Tập đoàn KIDO, Tường An đã có những chuyển đổi mạnh mẽ nhằm tiếp tục giữ vững và gia tăng vị thế dẫn đầu trên thị trường dầu ăn. Kết thúc năm tài chính 2017, Tường An đã hoàn thành 101% kế hoạch lợi nhuận trước thuế, doanh thu thuần tăng trưởng 9,0% so với năm 2016, đạt 4.338 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp tăng trưởng hơn 50,7% so với năm trước, đạt 564 tỷ đồng. Kết quả này đến từ việc tập trung cải thiện, nâng cao biên lợi nhuận gộp, từ mức 9,4% lên đến 13,0%. Chìa khóa thành công này có được từ việc tái cấu trúc danh mục sản phẩm, phát triển và khai thác hiệu quả các dòng sản phẩm thuộc phân khúc cao cấp, có biên lợi nhuận cao. Năm 2017 đã đánh dấu sự bứt phá mạnh mẽ của Tường An trong các hoạt động tạo dấu ấn bằng hàng loạt chiến dịch nổi bật chào mừng kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty. Hơn 40 năm không ngừng phát triển, ngày càng nâng cao chất lượng sản phẩm, chiến lược sản phẩm của Tường An hướng đến việc cung cấp những sản phẩm chất lượng, an toàn, dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đa dạng của khách hàng.

Bên cạnh mảng kinh doanh cốt lõi là dầu ăn, những nghiên cứu của chúng tôi cho thấy nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng đang có nhiều thay đổi và Tường An đã nhanh chóng cập nhật xu hướng tiêu dùng mới này thông qua việc đẩy mạnh quá trình liên kết với các đối tác nhằm mở rộng và đa dạng hóa danh mục các sản phẩm cung cấp. Chúng tôi mong muốn nâng cao khả năng phân phối, mang đến người tiêu dùng danh mục sản phẩm phong phú và trở thành nhà cung cấp giỏ hàng hóa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đa dạng của khách hàng mỗi ngày. Theo đó, năm 2017, Tập đoàn KIDO đã bắt đầu tổ chức nghiên cứu, phân tích các loại sản phẩm phù hợp để khai thác tối đa hiệu quả nhu cầu tiêu dùng và điều này đã dẫn đến việc hợp tác giữa KIDO và đối tác trong chiến lược phân phối sản phẩm đường tinh luyện. Ngoài ra, Tường An sẽ cho ra mắt các dòng sản phẩm mới, bổ sung vào giỏ hàng hóa tiêu dùng hằng ngày như mì gói, nước sốt, nước giải khát; hướng đến mục tiêu đáp ứng 43% giỏ hàng hóa của người tiêu dùng trong mỗi lần mua sắm.

Để có thể hiện thực được các mục tiêu trên, Tường An đã nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Tập đoàn KIDO về kinh nghiệm quản trị, năng lực tài chính, khả năng làm thị trường đến năng lực xây dựng thương hiệu. Thông qua việc tích hợp giá trị cốt lõi từ Tập đoàn KIDO cùng Tường An, chúng tôi đã nâng cao năng lực cạnh tranh để triển khai thực hiện định hướng chiến lược mới nhằm xây dựng giỏ hàng hóa đa dạng có thể đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng.

Tường An đã hoàn thành giai đoạn đầu của quá trình hội nhập và chúng tôi sẽ tiếp tục cải thiện nền tảng hoạt động, nâng cao kỹ năng quản lý, phát triển khả năng marketing và phát triển hệ thống phân phối rộng khắp. Chúng tôi tiếp tục duy trì nền tảng phát triển vững chắc hiện có và không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh để hỗ trợ cho mục tiêu phát triển trong tương lai. Chúng tôi tin rằng, với hơn 40 năm kinh nghiệm đồng hành, gắn kết và mang giá trị tích cực đến cho cổ đông và người tiêu dùng, sẽ hỗ trợ tích cực cho Tường An gắn kết cùng Tập đoàn KIDO hiện thực hóa mục tiêu “Lấp đầy gian bếp Việt”.

Thay mặt Ban Lãnh đạo, Tôi xin gửi lời cảm ơn đến tất cả Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý nhà đầu tư và toàn thể cộng đồng đã luôn tin tưởng và ủng hộ chúng tôi trong suốt thời gian qua. Chúng tôi sẽ tiếp tục mang đến những sản phẩm tốt nhất, đảm bảo chất lượng, an toàn, dinh dưỡng và phù hợp với khẩu vị của người tiêu dùng. Kính chúc Quý vị một năm mới thành công, sức khỏe và hạnh phúc.

HÀ BÌNH SƠN

Tổng Giám đốc Điều hành
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An (TAC)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà NGUYỄN THỊ HẠNH

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần
Dầu thực vật Tường An
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO

Bà Nguyễn Thị Hạnh là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO. Năm 2017, Bà được bổ nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT Tường An. Bà có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bán lẻ và kinh doanh. Trước khi gia nhập KIDO, Bà từng là Tổng Giám đốc Saigon-Coop, Chủ tịch HĐQT của SCID, Thành viên HĐQT của Saigon Co-op Fair Price LLC và Saigon Co-op Mapletree LLC.

Thông qua các vị trí từng đảm nhiệm, Bà được biết đến là doanh nhân giàu kinh nghiệm và góp phần phát triển ngành bán lẻ tại Việt Nam. Bà được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì, Giải thưởng Doanh nhân Việt Nam và Giải thưởng Bông Hồng Vàng.

Ông TRẦN LỆ NGUYÊN

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần
Dầu thực vật Tường An
Phó Chủ tịch HĐQT Thường trực kiêm
Tổng Giám đốc Điều hành Tập đoàn KIDO

Là doanh nhân nhiều kinh nghiệm trong việc tạo lập và phát triển các doanh nghiệp trong vài thập niên qua, Ông là thành viên đồng sáng lập, Phó chủ tịch Tập đoàn KIDO. Dưới sự điều hành của mình, Ông đã góp phần dẫn dắt KIDO phát triển, trở thành một trong các thương hiệu thực phẩm nổi tiếng tại Việt Nam và sở hữu danh mục sản phẩm phong phú chiếm lĩnh thị trường trong nước. Ngoài ra, Ông đã dẫn dắt các thương vụ M&A của KIDO góp phần hình thành nên Tập đoàn KIDO lớn mạnh ngày hôm nay.

Ngoài ra, Ông còn là Thành viên Hội đồng Quản trị Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Thành viên Hội đồng Quản trị của nhiều Công ty lớn khác tại Việt Nam.

Bà NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần
Dầu thực vật Tường An
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO

Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu đã gắn bó với Tập đoàn KIDO từ năm 2014 và hiện nay đang là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO, Thành viên HĐQT Tường An, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP (Vocarimex). Bà đã có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng và hơn 21 năm nắm giữ các vị trí Quản lý cấp cao tại Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Bà tốt nghiệp cử nhân và cao học, đồng thời Bà bảo vệ xuất sắc luận án Tiến sỹ Kinh tế tại Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM. Bà vinh dự được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành, Giải thưởng Doanh nhân Việt Nam và Huân chương Lao động của Chủ tịch nước trao tặng.

Ông HÀ BÌNH SƠN

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần
Dầu thực vật Tường An
Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần
Dầu thực vật Tường An

Ông tốt nghiệp cử nhân Kỹ sư ngành Cơ khí và Quản trị Kinh doanh. Ông bắt đầu làm việc tại Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An từ năm 1990, nơi ông trải qua nhiều vị trí quan trọng bao gồm Quản lý Sản xuất và Trưởng phòng Kỹ thuật. Sau đó, Ông làm việc tại Công ty TNHH Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè và Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP. Từ tháng 12/2008 đến nay, Ông nắm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An.

Ông KELLY WONG

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần
Dầu thực vật Tường An
Phó Tổng Giám đốc Tài chính
Tập đoàn KIDO

Ông đã gắn bó với Tập đoàn KIDO từ năm 2011 và đã nắm giữ cương vị Phó Tổng Giám đốc Tài chính của Tập đoàn, quản lý khối Tài chính - Kế toán và các hoạt động đầu tư. Ông sinh sống và làm việc trong lĩnh vực tài chính tại Việt Nam từ năm 2004.

Ông có bằng Cử nhân Thương mại tại Đại học British Columbia ở Vancouver, Canada. Ông cũng tốt nghiệp chương trình Quản lý khu vực Châu Á - Thái Bình Dương tại Viện Quản lý McRae thuộc Đại học Capilano, Canada.

BAN KIỂM SOÁT

Ông NGUYỄN ĐỨC THUYẾT

Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần
Dầu thực vật Tường An
Trưởng phòng Kế toán Tổng Công ty
Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP

Tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Tp. HCM, Ông bắt đầu gia nhập Vocarimex vào năm 1986. Ông nắm giữ vị trí Phó phòng Tài chính Kế toán vào năm 2011. Từ năm 2015, Ông là Trưởng phòng Kế toán tại Vocarimex. Ông bắt đầu vai trò là Trưởng Ban Kiểm soát của Tường An từ tháng 04/2012.

Bà CAO HOÀI THU

Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần
Dầu thực vật Tường An
Phó Giám đốc Đầu tư Tập đoàn KIDO

Bà Thu tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Kinh tế học, Đại học Nottingham, Anh Quốc. Bà có hơn 9 năm kinh nghiệm liên quan đến Tài chính và Đầu tư và được cấp chứng chỉ Kế toán công chứng Anh quốc (ACCA). Bà đã từng tham gia vào nhiều thương vụ mua bán sáp nhập, thẩm định giá và phân tích tài chính để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hiện tại, bà nắm giữ vị trí Phó Giám đốc Đầu tư tại Tập đoàn KIDO và được bổ nhiệm là thành viên Ban Kiểm soát Tường An từ tháng 06/2017.

Ông HỒ MINH SƠN

Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần
Dầu thực vật Tường An
Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng
Tổng Công ty Công nghiệp
Dầu thực vật Việt Nam - CTCP

Tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Tp. HCM, Ông bắt đầu làm việc cho Vocarimex vào tháng 08/2010. Ông đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng, bao gồm Trưởng phòng Tài chính Kế toán. Từ tháng 01/2015, Ông là Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng tại Vocarimex. Ông được bổ nhiệm là thành viên Ban Kiểm soát của Tường An từ tháng 04/2012.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông HÀ BÌNH SƠN

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần
Dầu thực vật Tường An
Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần
Dầu thực vật Tường An

Ông tốt nghiệp cử nhân Kỹ sư ngành Cơ khí và Quản trị Kinh doanh. Ông bắt đầu làm việc tại Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An từ năm 1990, nơi ông trải qua nhiều vị trí quan trọng bao gồm Quản lý Sản xuất và Trưởng phòng Kỹ thuật. Sau đó, Ông làm việc tại Công ty TNHH Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè và Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP. Từ tháng 12/2008 đến nay, Ông nắm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An.

Ông VŨ ĐỨC THỊNH

Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần
Dầu thực vật Tường An

Ông tốt nghiệp trường Đại học Tài chính - Kế toán Tp. HCM chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp vào năm 1993 và tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh do Đại học Andrews (Hoa Kỳ) liên kết với Đại học Quốc gia Hà Nội cấp vào năm 2013. Ông đã hoàn thành các khóa đào tạo chuyên sâu về chứng khoán cũng như các chương trình nghiệp vụ nâng cao dành cho Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Kiểm soát nội bộ.

Ông được bổ nhiệm vị trí Phó phòng Kế toán tại Nhà máy Tường An vào năm 1996. Tháng 10/2004, Ông là Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An. Tháng 05/2007, Ông được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng.

Giữ nguyên

Sắc Hương Vị

CHIẾN LƯỢC VÀ VẬN HÀNH

Câu chuyện của chúng tôi 20
Tổng quan về Công ty 22
Các hoạt động 24
Phân phối và bán hàng 26
Chiến lược của chúng tôi 28
Nền tảng phân phối của Tường An 29
Chiến lược sản phẩm 30
Danh mục sản phẩm 34
Trách nhiệm xã hội của Công ty 36
Cam kết của chúng tôi 38

CÂU CHUYỆN CỦA CHÚNG TÔI

Thành lập vào năm 1977, Tường An có lịch sử phát triển lâu dài và lớn mạnh cùng sự phát triển của thị trường tiêu dùng Việt Nam. Công ty luôn là đơn vị tiên phong trong việc nghiên cứu, sáng tạo, ứng dụng công nghệ vào quy trình sản xuất sản phẩm và là thương hiệu ghi dấu ấn đậm nét trong lòng người tiêu dùng Việt trong suốt 40 năm qua. Liên tục đổi mới và tập trung phát triển thương hiệu, đa dạng hóa hoạt động Marketing nhằm xây dựng và duy trì mối quan hệ bền chặt với người tiêu dùng.

Trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển, Công ty đã đối mặt với nhiều khó khăn về kinh tế do việc sản xuất hoàn toàn dựa vào nguồn nguyên vật liệu và kế hoạch hoạt động do Nhà nước chỉ định. Tuy nhiên, sau khi được trao quyền tự giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, cộng với việc hoàn thành cơ sở sản xuất mới, Tường An đã nhanh chóng mở rộng phát triển trong khoảng thời gian từ năm 1985 đến đầu thập niên 90.

Vào cuối những năm 1990, Tường An đối mặt với những thách thức mới khi nền kinh tế bắt đầu hội nhập với quốc tế và vấp phải sự cạnh tranh khốc liệt từ các thương hiệu bơ và dầu thực vật ngoại nhập. Tường An một lần nữa thể hiện tinh thần đổi mới để dẫn đầu và thích nghi với xu thế phát triển mới đề ra. Cụ thể, Tường An đã linh động, sáng tạo trong việc quảng bá, tiếp cận người tiêu dùng nhằm nâng cao nhận thức về dầu ăn dinh dưỡng bằng việc tung ra nhiều sản phẩm mới được bổ sung vi chất, sử dụng nguồn nguyên liệu chất lượng cao, gia tăng sản lượng sản phẩm dầu ăn tinh luyện đóng chai phục vụ thị trường trong nước. Đây được xem là bước ngoặt quan trọng của Tường An khi Công ty thành công trong việc tập trung khai thác khía cạnh thay đổi nhận thức của người tiêu dùng.

Tháng 10/1991, “Cooking Oil - Dầu ăn Tường An” - sản phẩm nổi tiếng nhất của Công ty đến thời điểm hiện tại đã chính thức được giới thiệu rộng rãi ra thị trường và từ đó thương hiệu Tường An đã và đang dẫn đầu thị trường trong việc sản xuất dầu ăn ở Việt Nam. Thông qua các phương tiện truyền thông, Tường An là đơn vị tiên phong trong việc nâng cao nhận thức người dân về hạn chế sử dụng mỡ động vật, chuyển sang sử dụng dầu thực vật trong bữa ăn hàng ngày để đảm bảo sức khỏe, tạo dấu ấn mạnh mẽ và tích cực về thương hiệu uy tín, luôn hướng đến sức khỏe người tiêu dùng. Hiện nay, dầu ăn Tường An tiếp tục dẫn đầu thị phần và Cooking Oil trở thành sản phẩm chủ lực của Tường An luôn được người tiêu dùng tin tưởng và sử dụng.

Với mong muốn cung cấp những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, Tường An đã có bước đột phá trong ngành công nghiệp dầu thực vật ở Việt Nam, cụ thể, vào tháng 12/2003 Công ty đã thực hiện nghiên cứu thực nghiệm để bổ sung vi chất dinh dưỡng vào sản phẩm dầu ăn với các sản phẩm như: Dầu Nành nguyên chất tốt cho tim mạch; dầu ViO bổ sung chất dinh dưỡng cho trẻ nhỏ, và Dầu Gấc giúp phát triển não, tốt cho da, mắt và tim mạch. Vào tháng 02/2005, Tường An đã nghiên cứu và giới thiệu các sản phẩm bơ thực vật và shortening mới có độ dinh dưỡng cân bằng, tỷ lệ chất béo thấp, thích hợp cho người thừa cân hay người có các vấn đề về tim mạch. Ngoài ra, Tường An cũng luôn tiên phong cho ra mắt một loạt các sản phẩm mới độc đáo, sáng tạo và bắt kịp thị trường tiêu dùng.

Năm 2017, sau hơn một năm gia nhập Tập đoàn KIDO, Tường An đã minh chứng tiềm năng phát triển vượt trội của mình trên thị trường. Tận dụng thế mạnh của KIDO và kết hợp cùng năng lực sẵn có, Tường An đã củng cố và phát triển lớn mạnh hệ thống phân phối thực phẩm đóng gói, hiện thực hóa mục tiêu chiến lược mở rộng và đa dạng hóa danh mục các loại thực phẩm đóng gói của Tập đoàn, 40 năm hình thành và phát triển, Tường An đã trở thành “Thương hiệu Quốc dân” trong lòng người tiêu dùng Việt, là người bạn đồng hành và chia sẻ yêu thương đến hàng triệu gia đình Việt Nam từng bữa ăn, Tường An luôn mong muốn luôn mang đến cho người tiêu dùng Việt Nam những sản phẩm chất lượng cao, an toàn với sức khỏe, tiện lợi cùng mức giá hợp lý.

CHIẾN LƯỢC CỦA TẬP ĐOÀN KIDO LÀ TẬN DỤNG NỀN TẢNG VỀ HỆ THỐNG KÊNH PHÂN PHỐI RỘNG KHẮP ĐỂ MANG ĐÚNG SẢN PHẨM ĐẾN ĐÚNG NƠI, ĐÚNG THỜI ĐIỂM, ĐÚNG QUY CÁCH VÀ THEO ĐÚNG NHU CẦU NGƯỜI TIÊU DÙNG.

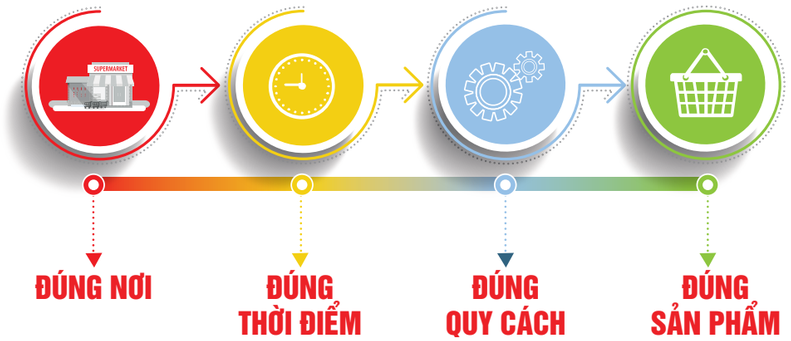

Tường An là đơn vị kinh doanh chủ lực của hệ thống kênh thực phẩm đóng gói góp phần xây dựng nền tảng phân phối của Tập đoàn KIDO. Để đạt được mục tiêu đề ra, hệ thống quản lý của các đơn vị thành viên phải được kết nối chặt chẽ, đặc biệt phải nhạy bén với những thay đổi của thị trường và nhu cầu của người tiêu dùng. Do đó, các hoạt động được thiết lập và gắn kết giữa các bộ phận và mỗi bộ phận đều phải đảm nhiệm vai trò, trách nhiệm cụ thể.

BAN QUẢN LÝ

Xác định chiến lược dài hạn cho Tập đoàn và vạch ra kế hoạch hoạt động hàng năm cho mỗi Công ty thành viên như Tường An.

Đảm trách hoạt động truyền thông chiến lược của Tập đoàn và theo dõi kế hoạch hoạt động nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn cũng như tối ưu hóa lợi nhuận cho các khoản đầu tư của cổ đông.

Mục tiêu trong dài hạn là cam kết mang lại tỷ suất lợi nhuận đầu tư ổn định cho cổ đông hàng năm.

QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH KINH DOANH

Thực thi chiến lược của Tập đoàn và quản lý sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chức năng khác nhau để triển khai hoạt động đề ra hàng năm.

Chịu trách nhiệm triển khai các chiến lược và điều hành các hoạt động.

Chịu trách nhiệm về kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xây dựng mục tiêu hàng năm và đưa ra các định hướng hoạt động ngắn hạn cho từng năm.

Các hoạt động, dịch vụ đầu tư dài hạn vào cơ sở hạ tầng được Tập đoàn tập trung xem xét để đảm bảo các Công ty thành viên được hưởng lợi từ lợi thế quy mô khi triển khai. Đầu tư phi tập trung thường được xem xét đối với các hoạt động và dịch vụ liên quan đến thị trường và người tiêu dùng, bao gồm các hoạt động mang tính ngắn hạn và các hoạt động đòi hỏi tính linh hoạt để thích ứng với những biến đổi từ thị trường.

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mỗi Công ty được định hướng từ Ủy ban quản lý điều hành (EMC), giám sát việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của Tập đoàn và thúc đẩy hiệu quả kinh doanh tại đơn vị.

Team 1

PHỤ TRÁCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Team 1 – Phụ trách hoạt động kinh doanh, là team đề ra phương hướng hoạt động trong bán hàng, phân phối, tiếp thị, phát triển sản phẩm và tìm hiểu nhu cầu người tiêu dùng. Team 1 thường xuyên tương tác, kết nối chặt chẽ với người tiêu dùng, nghiên cứu môi trường cạnh tranh và xu hướng phát triển của thị trường. Vai trò của Team 1 là cung cấp các phản hồi và thông tin cho toàn bộ Công ty và phối hợp với các bộ phận chức năng để cung cấp đúng sản phẩm, đúng thời điểm, đến đúng nơi và theo đúng nhu cầu người tiêu dùng. Nhiệm vụ của các team hỗ trợ (Team 2 và Team 3) được đặt xung quanh Team 1 để hỗ trợ đưa ra các sáng kiến nhằm đáp ứng hoặc dự báo nhu cầu của khách hàng về những thay đổi trong xu hướng tiêu dùng và luôn đặt nhu cầu người tiêu dùng là trọng tâm.

Team 2

PHỤ TRÁCH QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

Bộ phận quan trọng tiếp theo của Ban EMC là Phụ trách Quản lý Chuỗi cung ứng (Supply Chain Management Team - SCM), chuyên trách quản lý sản xuất hàng hóa, kiểm soát chất lượng, logistic và kho vận. Team SCM chính là thế mạnh cốt lõi của Tập đoàn và là yếu tố quyết định thành công của Tường An. Team SCM có trách nhiệm quản lý việc sản xuất hàng hóa, hiệu quả về sản xuất cũng như phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng. Do đó, sự phối hợp chặt chẽ giữa Team 1 và Team 2 là rất quan trọng để đảm bảo sản phẩm được phân phối đến đúng nơi, đúng thời điểm, đúng quy cách và theo đúng nhu cầu người tiêu dùng. Đây là bước đi quan trọng trong chiến lược tập trung vào người tiêu dùng của Tường An.

Team 3

BỘ PHẬN HỖ TRỢ

Cuối cùng là Team 3, bao gồm các Bộ phận hỗ trợ. Các bộ phận trong Team 3 có chức năng đặc thù nhằm hỗ trợ cho hoạt động của Công ty gồm: Kế toán Tài chính và Kế toán Quản trị, Hành chánh – Nhân sự. Bản chất của các dịch vụ thuộc Team 3 cung cấp liên quan đến cơ sở hạ tầng; do vậy các dịch vụ như Công nghệ thông tin, Quản lý Quy trình Kinh doanh, Truyền thông Doanh nghiệp, Quan hệ Nhà Đầu tư và Tài chính đều được tập trung quản lý bởi Tập đoàn. Điều này cho phép mỗi Công ty có thể tập trung vào việc tạo ra lợi nhuận và giá trị khác mà không bị chi phối bởi các vấn đề liên quan đến đầu tư cơ sở hạ tầng trong dài hạn.

Các hoạt động kinh doanh của Tường An được mở rộng trên toàn bộ chuỗi giá trị từ mua hàng, sản xuất, tiếp thị, bán hàng và phân phối. Mô hình kinh doanh tích hợp này giúp Công ty gia tăng năng lực cạnh tranh và nhanh chóng thích nghi với những biến đổi của thị trường.

Là Công ty sản xuất dầu ăn hàng đầu Việt Nam, sản phẩm của Công ty luôn mang đến giá trị dinh dưỡng, chất lượng tốt nhất và an toàn cho người tiêu dùng Việt. Tường An luôn tối ưu hóa các thế mạnh của mình trong sản xuất cũng như phân phối để mở rộng danh mục sản phẩm nhằm thâm nhập và mở rộng sang các ngành hàng thực phẩm thiết yếu để gia tăng lợi nhuận.

Sự phát triển không ngừng của nhịp sống hiện đại kéo theo nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, đặc biệt yếu tố an toàn vệ sinh thực phẩm và chăm sóc sức khỏe luôn là mối quan tâm hàng đầu. Do đó, tự động hóa sản xuất để tăng năng suất, đảm bảo chất lượng sản phẩm là xu thế tất yếu hiện nay. Tại Tường An, việc quản trị sản xuất, quản lý vận hành nhà máy luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu, chúng tôi luôn liên tục thiết kế, quy hoạch, đổi mới nhằm mang đến các sản phẩm chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng đồng thời đảm bảo hiệu quả về mặt quản trị. Hiện tại, Tường An có 2 nhà máy sản xuất là Nhà máy Dầu Phú Mỹ và Nhà máy Dầu Vinh.

Tổng diện tích

80.000 m²

CÔNG SUẤT ĐẠT 810 tấn /ngày

Nhà máy Dầu Phú Mỹ

Nằm cạnh cảng nước sâu thuộc Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, nhà máy Dầu Phú Mỹ được xây dựng trên diện tích 80.000 m² với cơ sở hạ tầng giao thông đường thủy thuận lợi. Bên cạnh dây chuyền tinh luyện dầu với công suất đạt 810 tấn/ngày, nhà máy còn được trang bị hệ thống máy móc hiện đại, tiên tiến được nhập khẩu trực tiếp từ Châu Âu, Nhật Bản và Hoa Kỳ. Nhà máy không chỉ tuân thủ các quy định tiêu chuẩn nghiêm ngặt nhất về vệ sinh an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn GMP và HACCP, hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 nhằm sản xuất các sản phẩm có chất lượng.

Tổng diện tích

37.000 m²

Nhà máy Dầu Vinh

Trải rộng trên diện tích 37.000 m² gần bên cảng Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Nhà máy đã được mua lại cách đây 16 năm khi Tường An bắt đầu mở rộng thị trường miền Bắc giúp gia tăng gấp đôi công suất sản xuất.

PHÂN PHỐI VÀ BÁN HÀNG

VOCARIMEX
DẦU VÀ CHẤT BÉO — NGUYÊN LIỆU — VẬN CHUYỂN — CHẾ BIẾN

TƯỜNG AN
DẦU VÀ CHẤT BÉO — NGUYÊN LIỆU — CHẾ BIẾN — ĐÓNG CHAI

KIDO FOODS
KEM & THỰC PHẨM ĐÔNG LẠNH — NGUYÊN LIỆU — CHẾ BIẾN — ĐÓNG GÓI

DABACO FOODS
THỰC PHẨM CHẾ BIẾN — THỊT ĐÃ CHẾ BIẾN — THỊT NGUỘI — PA TÊ — CHẢ LỤA

OEM
SẢN PHẨM — CHẾ BIẾN

ĐỐI TÁC
SẢN PHẨM — ĐƯỜNG — GIA VỊ — NƯỚC UỐNG — MÌ

NỀN TẢNG GIA TĂNG GIÁ TRỊ CỦA TẬP ĐOÀN KIDO

- Quản trị
- Tài chính
- Nghiên cứu & phát triển sản phẩm
- Phân phối
- Tiếp thị và thương hiệu
- Kho vận
- Công nghệ

KÊNH

Thực phẩm đóng gói

Thực phẩm đông lạnh
Thực phẩm tươi
Thực phẩm ướp lạnh

Bán buôn

Thương mại

THỊ TRƯỜNG

450.000
ĐIỂM BÁN

70.000
ĐIỂM BÁN NGÀNH LẠNH VÀ ƯỚP LẠNH

XUẤT KHẨU

NGƯỜI TIÊU DÙNG

GẦN 95 TRIỆU NGƯỜI
VÀ MỞ RỘNG RA CÁC NƯỚC

CÁC GIÁ TRỊ CHIẾN LƯỢC CỦA TƯỜNG AN LUÔN NHẤT QUÁN VỚI ĐỊNH HƯỚNG TỪ TẬP ĐOÀN VÀ PHÙ HỢP VỚI ĐẶC THÙ KINH DOANH CỦA TƯỜNG AN. HỆ THỐNG CHIẾN LƯỢC CỦA TẬP ĐOÀN LÀ NỀN TẢNG CỦA VIỆC XÁC ĐỊNH CHÚNG TA LÀ AI, CHÚNG TA TIN VÀO ĐIỀU GÌ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CHÚNG TA NHƯ THẾ NÀO. TƯỜNG AN CŨNG KHÔNG NẰM NGOẠI LỆ VÀ CHÚNG TÔI ĐÃ TÍCH HỢP NĂNG LỰC TỪ TẬP ĐOÀN GÓP PHẦN TẠO ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY SỰ TĂNG TRƯỞNG LIÊN TỤC CỦA CÔNG TY VÀ TẠO RA GIÁ TRỊ DỰA TRÊN NỀN TẢNG 3P: CON NGƯỜI (PEOPLE), SẢN PHẨM (PRODUCT) VÀ NỀN TẢNG (PLATFORM).

CON NGƯỜI

Một chiến lược nhân sự hiệu quả là điều cần thiết cho sự thành công của một doanh nghiệp. Là thành viên của Tập đoàn KIDO, thông qua quá trình hội nhập, Tường An xác định yêu cầu tuyển dụng, kế hoạch đào tạo, phát triển nhân tài và trang bị các kỹ năng của các bộ phận để chuẩn bị cho thế hệ lãnh đạo kế thừa là yếu tố vô cùng quan trọng. Tại Tường An, mỗi quản lý cấp cao được trao quyền tự quyết để chủ động trong việc thiết lập, xây dựng các mối quan hệ đối tác cả bên trong và bên ngoài nhằm thúc đẩy doanh nghiệp phát triển mà không vi phạm các chuẩn mực đạo đức.

SẢN PHẨM

Thương hiệu sản phẩm của Tường An có lịch sử hình thành lâu đời và luôn dẫn đầu trong tất cả các thị trường Tường An tham gia; các nhãn hàng luôn được công nhận, yêu mến và trở thành một phần quan trọng trong cuộc sống hàng ngày của người tiêu dùng. Sự thành công của các thương hiệu sản phẩm được gầy dựng từ các sản phẩm dinh dưỡng thiết kế phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng Việt Nam. Tường An sẽ mở rộng danh mục sản phẩm, hướng đến nhu cầu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng thông qua nền tảng phân phối rộng khắp.

NỀN TẢNG

Nền tảng hoạt động và tổ chức được tăng cường thực thi chiến lược tăng trưởng nhanh và nâng cao lợi nhuận. Điều này bao gồm việc hệ thống hóa các quy trình, hệ thống vận hành của Công ty được chuẩn hóa theo quy trình công việc và hệ thống quản lý đã được xác định. Mạng lưới phân phối rộng khắp; gắn kết với sự đa dạng của hệ thống kênh theo từng phân khúc đã hỗ trợ hiệu quả cho việc đa dạng hóa danh mục sản phẩm cùng mật độ phân bổ phù hợp, góp phần duy trì mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng.

Một trong những yếu tố quan trọng của nền tảng phân phối chính là mức độ tiếp cận khách hàng. Nền tảng này được hình thành từ các sản phẩm dầu ăn danh tiếng của Tường An cung cấp đến hơn 11 triệu hộ gia đình mỗi năm thông qua 450.000 điểm bán hàng trên toàn quốc. Đây cũng là nền tảng phân phối thực phẩm đóng gói vững chắc cho Tập đoàn KIDO.

Điều này cũng tạo nên lợi thế cạnh tranh khác biệt cho KIDO và Tường An để phát huy hiệu quả việc phát triển các sản phẩm mới bổ sung vào mạng lưới phân phối. Đây là một trong những mục tiêu của KIDO trong việc đa dạng hóa danh mục sản phẩm hướng đến mục tiêu phục vụ nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng Việt Nam trong suốt cả ngày. Tường An là đơn vị chủ lực trong việc phát triển hệ thống phân phối trong mảng thực phẩm đóng gói.

Nền tảng phân phối rộng khắp của Tường An được thiết kế phù hợp để chúng tôi có thể mở rộng cung cấp các sản phẩm tương thích cho từng kênh và từng phân khúc khách hàng. Điều này cho phép chúng tôi phân phối và phục vụ các sản phẩm hiện có và gia tăng tần suất tiếp cận, từ đó gia tăng mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng.

CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM

CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM (TIẾP THEO)

NĂNG LỰC VỀ SẢN PHẨM LÀ YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH CHO THÀNH CÔNG CỦA TƯỜNG AN TRÊN THỊ TRƯỜNG VÀ SỰ ĐỔI MỚI LÀ VÔ CÙNG QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TẬP ĐOÀN. MỤC TIÊU CHINH PHỤC GIAN BẾP CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT PHỤ THUỘC RẤT NHIỀU VÀO VIỆC TƯỜNG AN CÓ THỂ XÂY DỰNG DANH MỤC SẢN PHẨM PHÙ HỢP, ĐÁP ỨNG ĐƯỢC NHU CẦU TIÊU DÙNG ĐA DẠNG HAY KHÔNG.

Do đó, vai trò của Tường An trong chiến lược của Tập đoàn là việc đẩy mạnh liên kết với các đối tác nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm, tập trung vào việc cung cấp các sản phẩm chất lượng, phù hợp, đáp ứng nhu cầu thực phẩm suốt cả ngày và phân phối đến tận tay người tiêu dùng. Tường An hiện đang sử dụng hai cách tiếp cận chính để hoàn thành mục tiêu chiến lược này: 1) Phân phối các sản phẩm mang nhãn hiệu của các đối chiến lược và 2) OEM các sản phẩm dưới thương hiệu của Tập đoàn. Và trong thời gian tới, Tường An sẽ thiết lập mở rộng phát triển từ ngành hàng chủ lực là dầu ăn sang các mặt hàng thiết yếu khác nhằm quản trị tốt rủi ro, cắt giảm các khoản đầu tư vào các sản phẩm không hiệu quả. Tập trung phát triển thương hiệu và sản phẩm, xây dựng danh mục sản phẩm tương thích với hành vi tiêu dùng.

Sự am hiểu khách hàng qua hơn bốn thập kỷ cùng thành công của các sản phẩm được phát triển từ Tập đoàn KIDO, kết hợp với thương hiệu lâu đời của Tường An sẽ tiếp tục được mở rộng thông qua việc đầu tư mở rộng hệ thống Kênh phân phối. Điều này giúp Tường An gia tăng năng lực phân phối trên thị trường, phục vụ cho chiến lược mở rộng sang ngành hàng thực phẩm đóng gói của Tập đoàn. Danh mục sản phẩm của Tường An đã mở rộng không chỉ có dầu ăn mà sẽ bao gồm việc xây dựng các "Giải pháp cho bữa ăn". Đây sẽ là yếu tố quyết định tạo nên sự tăng trưởng trong những năm tới đã được Tập đoàn thiết kế để tích hợp năng lực của mỗi đơn vị thành viên, trong đó có KIDO Frozen Foods – Công ty đang đảm trách nhiệm vụ trong mảng thực phẩm đông lạnh. Mục tiêu của việc đẩy mạnh mở rộng phạm vi tiếp cận người tiêu dùng là hướng đến phục vụ nhu cầu của 85% dân số tại Việt Nam trong suốt cả ngày.

Danh mục sản phẩm được đầu tư đa dạng sẽ cho phép các sản phẩm chiếm lĩnh vị trí trên quầy kệ và tủ với diện tích lớn tại các điểm bán. Hiện tại, với mức độ hiện diện của dầu Tường An trên thị trường đã giúp chúng tôi nâng cao khả năng trong việc mang các sản phẩm đóng gói khác vào phân phối trên kênh và từ đó giúp các điểm bán có thể cung cấp giỏ hàng hóa đa dạng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng hàng ngày của khách hàng.

Mục tiêu của chiến lược sản phẩm là khuyến khích người tiêu dùng sử dụng sản phẩm với tần suất thường xuyên hơn trong ngày, điều này giúp tăng doanh số bán hàng một cách hiệu quả đồng thời giảm chi phí phân phối khi chúng tôi sử dụng cùng một hệ thống kênh để cung cấp số lượng lớn các sản phẩm. Sự kết hợp giữa sản phẩm đóng gói và thực phẩm đông lạnh giúp người tiêu dùng Việt có nhiều sự lựa chọn phù hợp hơn với nhu cầu tiêu dùng hiện đại. Gia tăng lợi thế cạnh tranh cũng như thiết lập mối quan hệ gắn kết chặt chẽ giữa Tường An nói riêng và Tập đoàn KIDO nói chung với các nhà phân phối và điểm bán lẻ, giúp họ cải thiện doanh số và nâng cao lợi nhuận thông qua việc hợp tác với Công ty.

DANH MỤC SẢN PHẨM (TIẾP THEO)

ĐI CÙNG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA ĐẤT NƯỚC, TRONG 40 NĂM QUA, TƯỜNG AN ĐÃ ĐƯA RA THỊ TRƯỜNG CÁC SẢN PHẨM DẦU ĂN PHONG PHÚ VÀ ĐA DẠNG. BẮT ĐẦU VỚI THƯƠNG HIỆU CHÍNH – COOKING OIL, TƯỜNG AN, TIẾP THEO LÀ HÀNG LOẠT CÁC SẢN PHẨM ĐƯỢC SẢN XUẤT PHÙ HỢP NHU CẦU VÀ SỞ THÍCH CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT NAM.

1993-2003

Thành công trong việc nghiên cứu các dòng sản phẩm: dầu Cooking, dầu Nành, dầu Mè, dầu Phộng, dầu Vạn Thọ, dầu Season, dầu ViO.

2005-2008

Sản phẩm Margarine và dầu ăn Olita có mặt trên thị trường.

2010

Sản phẩm dầu Cải và dầu Olive được tung ra thị trường.

2012

Tường An tung ra thị trường sản phẩm dầu Ngon.

2015

Nghiên cứu và cho ra mắt thành công sản phẩm dầu Baby Olive.

2017

Nghiên cứu và đưa ra thị trường sản phẩm cải tiến: dầu Nành mới, dầu Vio Gấc và dầu Vio Olive. Phân phối Đường tinh luyện dưới thương hiệu Biên Hòa.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Trong suốt lịch sử 40 năm qua, Tường An luôn thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng.

Là một doanh nghiệp uy tín lâu năm trên thị trường Việt Nam, Tường An luôn ý thức và thực hiện nghiêm túc các quy định và yêu cầu trong sản xuất để đảm bảo chất lượng cho tất cả các sản phẩm được phân phối và đến tay người tiêu dùng.

Cam kết của Tường An đối với trách nhiệm doanh nghiệp được thực hiện trong tất cả các lĩnh vực, từ phát triển sản phẩm đến nâng cao mức sống của người dân. Đó là những giá trị cốt lõi mà CBCNV Tường An luôn hướng đến. Chúng tôi cam kết sản xuất các sản phẩm an toàn và chất lượng cao cho sức khỏe người tiêu dùng Việt Nam. Tích cực hỗ trợ cộng đồng trong những giai đoạn khó khăn như giúp đỡ nạn nhân gặp thiên tai, tổ chức các hoạt động cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ mồ côi và tài trợ các hoạt động xã hội có ý nghĩa khác. Vì vậy, chúng tôi không chỉ tạo được lòng tin vào đối tác mà còn xây dựng hình ảnh thân thiện, luôn hướng về cộng đồng của thương hiệu Tường An.

CAM KẾT CỦA CHÚNG TÔI

CHẤT LƯỢNG

Từ những ngày đầu thành lập, các sản phẩm do Tường An sản xuất không chỉ đảm bảo chất lượng vượt trội, đáp ứng xu hướng tiêu dùng của thị trường mà còn là sản phẩm thơm ngon, dinh dưỡng, tốt cho sức khỏe người dùng. Tường An luôn nỗ lực tìm kiếm nguồn nguyên liệu an toàn, chất lượng cao, ổn định và đa dạng để sử dụng trong sản xuất. Chú trọng đầu tư trang thiết bị tại nhà máy, Tường An đã trang bị hệ thống dây chuyền sản xuất hiện đại, công nghệ tinh lọc dầu tiên tiến, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn và ngày càng đa dạng hóa danh mục sản phẩm. Trong đó, Công ty đặc biệt chú trọng đẩy mạnh nghiên cứu, bổ sung thành phần vi chất dinh dưỡng vào sản phẩm và phục vụ nhu cầu đa dạng của đối tượng khách hàng ở nhiều độ tuổi khác nhau.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

“Chúng tôi tin rằng một doanh nghiệp chỉ có thể phát triển bền vững trong một môi trường kinh doanh bền vững”

Kinh tế, xã hội ngày càng phát triển đã giúp người dân nâng cao mức sống và được hưởng nhiều tiện ích từ những bước thay đổi này. Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực thì những thách thức mà người dân phải đối mặt là không hề nhỏ. Thế giới đang phải đối mặt với rất nhiều những vấn đề nghiêm trọng về mặt xã hội như an toàn vệ sinh thực phẩm, ô nhiễm môi trường, các bệnh dịch mới, sự cạn kiệt của các nguồn tài nguyên… Để hạn chế và giải quyết các vấn đề trên cần phải có sự hợp tác và hỗ trợ chặt chẽ của tất cả các cá nhân và doanh nghiệp. Tường An luôn chú trọng việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho đội ngũ CBCNV. Tường An tự hào với những thành quả gặt hái được về kinh tế, môi trường, lao động, trách nhiệm với sản phẩm của mình và tiếp tục duy trì thực hiện tốt các tiêu chuẩn này.

Môi trường làm việc: Tạo môi trường làm việc hấp dẫn cho người lao động, đào tạo và phát triển nhân tài, xây dựng môi trường làm việc an toàn, đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong đánh giá năng lực, hấp dẫn trong các chính sách phúc lợi, khen thưởng. Công ty luôn tạo cơ hội và điều kiện tốt nhất để CBCNV được đào tạo, nâng cao kiến thức, phát triển bản thân thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài.

An toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp: Nhân viên được cung cấp, trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động khi tham gia sản xuất, định kỳ tổ chức khám sức khỏe và tư vấn sức khỏe cho toàn thể CBCNV, tổ chức các buổi đào tạo về vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn kỹ thuật trong sản xuất.

Sản phẩm: Trọng tâm chính của Tường An luôn là cung cấp các sản phẩm an toàn và tốt cho sức khỏe đến tay người tiêu dùng. Các tiêu chuẩn quản lý sản phẩm được Công ty áp dụng như: hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 và tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm GMP - HACCP.

Quyền tự do, bình đẳng: Tất cả nhân viên có hợp đồng làm việc toàn thời gian với Công ty đều có quyền tham gia vào các chương trình bảo hiểm y tế, Công đoàn và các quyền lợi khác như đã nêu trong Thỏa ước lao động Tập thể. Ngoài những nghĩa vụ và quyền quy định theo Luật Lao động, người lao động cũng được hưởng các quyền lợi khác như ESOP và luôn có sự công bằng trong việc thực hiện. Bình đẳng giới luôn được tôn trọng và hiện diện trong tất cả các hoạt động của Công ty.

Phúc lợi cho nhân viên: Cung cấp bảo hiểm y tế cho tất cả nhân viên, tổ chức phục vụ bữa ăn giữa ca, lễ hội trung thu cho con CBCNV và các chuyến du lịch nghỉ dưỡng hằng năm; quà sinh nhật cho nhân viên và quà tặng cho con CBCNV có thành tích học tập xuất sắc tại trường… Những lợi ích nêu trên được nêu rõ trong Thỏa ước lao động Tập thể cho tất cả CBCNV.

Môi trường và năng lượng: Với mong muốn bảo vệ môi trường, chúng tôi tuân thủ luật môi trường và sử dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, xử lý nước thải hiện đại vượt tiêu chuẩn do cơ quan quản lý đưa ra. Chú trọng nâng cao nhận thức của nhân viên về tác động môi trường, đồng thời chúng tôi tiếp tục triển khai các kế hoạch chiến lược để ứng phó với các vấn đề môi trường. Công ty cũng không ngừng đưa ra các sáng kiến, chương trình tiết kiệm năng lượng để nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm lượng phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm thiểu tác động đến môi trường.

Nhân dịp kỷ niệm 40 năm thành lập, Công ty đã tổ chức chuỗi các hoạt động chào mừng. Chương trình với sự tham gia của cựu lãnh đạo, các thế hệ cán bộ của Tường An cùng toàn thể CBCNV từ khối sản xuất tại các nhà máy đến văn phòng hưởng ứng và thành công tốt đẹp. Nhân sự kiện này, chúng tôi mong muốn gửi lời cảm ơn và tri ân sự đóng góp của toàn thể CBCNV trong hơn 40 năm qua đã giúp Tường An trở thành Công ty lớn mạnh như ngày nay.

CAM KẾT CỦA CHÚNG TÔI (TIẾP THEO)

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Nhìn lại cuộc hành trình chinh phục trái tim người tiêu dùng Việt Nam, Tường An không chỉ tự hào khi sản phẩm của mình hiện diện trong mọi gian bếp từ Bắc vào Nam, mà chúng tôi còn tự hào khi nhận được sự tin tưởng và hỗ trợ của các đối tác, cổ đông, nhà đầu tư, người tiêu dùng, cộng đồng và nhân viên trong suốt 40 năm qua.

CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI NĂM 2017

- Vào tháng 10/2017, người dân các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên đã phải chịu thiệt hại nặng nề do bão và mưa lũ gây ra. Tường An đã phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Tp. HCM ủng hộ tiền mặt cho các gia đình bị thiệt hại do cơn bão số 12, số tiền 100 triệu đồng.
- Công nhân viên Công ty hỗ trợ cho các nhân viên và gia đình bị ảnh hưởng cơn bão số 12, số tiền 107 triệu đồng.
- Kết hợp cùng Công ty Truyền thông Quốc tế IMC tổ chức đêm đại nhạc hội đặc biệt "Mang niềm vui đến mọi nhà" hoàn toàn miễn phí, dành tặng cho người dân hiện đang sinh sống tại Cần Thơ, Tp. HCM.
- Tài trợ chính cho cuộc thi nấu ăn "Mái ấm gia đình" do Saigon Coop tổ chức nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.

NHỮNG THÀNH TỰU NỔI BẬT TRONG NĂM 2017

- Cờ thi đua "40 năm xây dựng và phát triển" của UBND Tp. HCM.
- 21 năm đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn.
- Kỷ niệm 40 năm thành lập – tự hào hành trình Lan tỏa hạnh phúc.

Trao trọn
niềm yêu thương

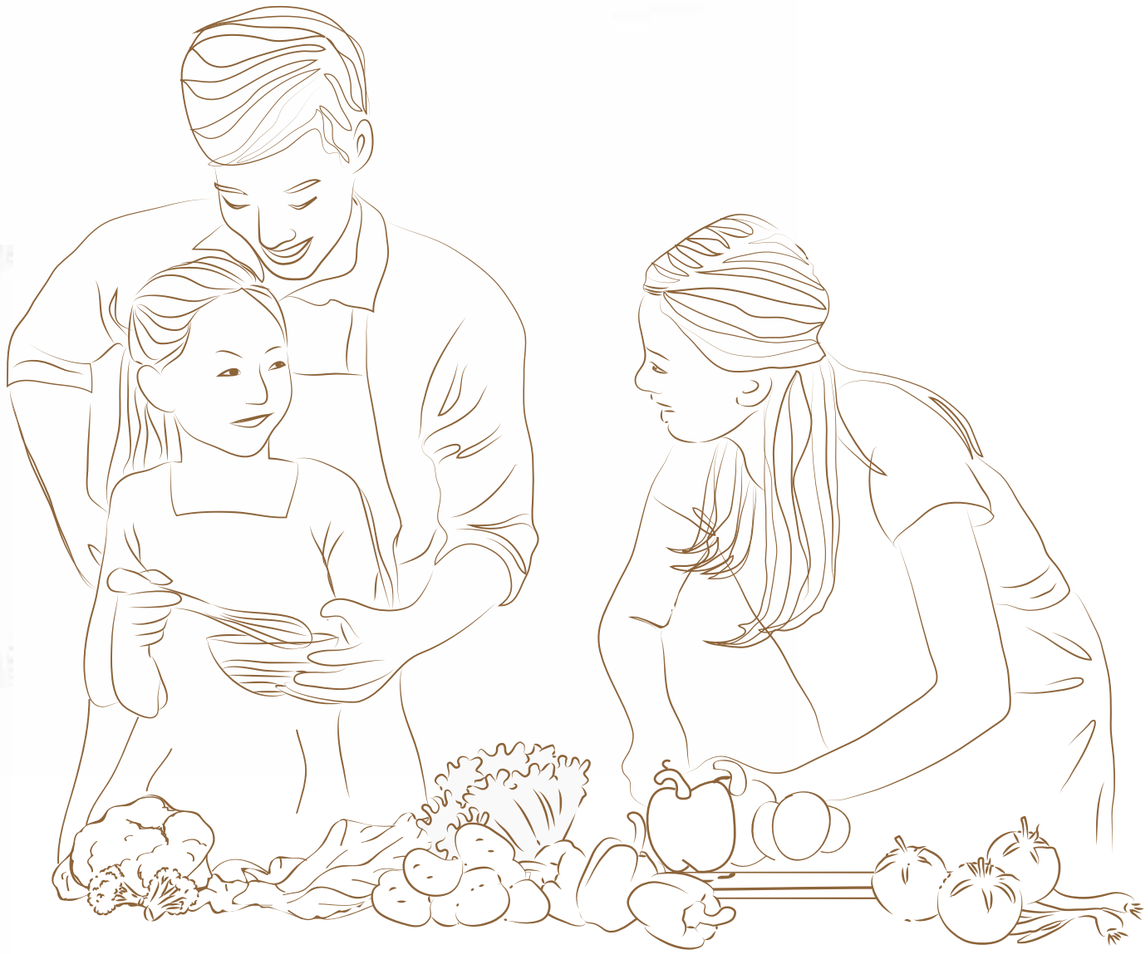

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

44 Thương hiệu
46 Môi trường kinh doanh
48 Các điểm nổi bật về tài chính
50 Hoạt động tài chính
52 Quản lý rủi ro
54 Các cuộc họp và nghị quyết của HĐQT

THƯƠNG HIỆU

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG
CHO TRẺ EM

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG
NHU CẦU TIÊU DÙNG MỚI,
HIỆN ĐẠI VÀ CAO CẤP

SẢN PHẨM
NGUYÊN CHẤT

SẢN PHẨM CAO CẤP

SẢN PHẨM CAO CẤP

PHÂN KHÚC ĐẶC BIỆT
GIẢI PHÁP CHO MÓN CHIÊN
AN TOÀN & NGON

PHÂN KHÚC PHỔ THÔNG
GIẢI PHÁP CHO MÓN CHIÊN
AN TOÀN & NGON

SẢN PHẨM CAO CẤP

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Năm 2017, môi trường kinh doanh tại Việt Nam khá ổn định đối với các Công ty tiêu dùng khi đạt mức tăng trưởng 6,81% so với năm 2016 và tỷ lệ lạm phát tương đối ổn định ở mức 3,53%. Lãi suất và tỷ giá biến động ở mức ổn định hơn những năm trước. Tuy nhiên, một trong những yếu tố ảnh hưởng đến các Công ty sản xuất và phân phối hàng tiêu dùng ở Việt Nam là thời tiết. Chúng ta đã chứng kiến thời tiết biến đổi bất thường ở khu vực miền Bắc và miền Trung đã ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu tiêu dùng của người tiêu dùng Việt Nam. Mặc dù vậy, chỉ số niềm tin tiêu dùng của khách hàng cao hơn kèm theo mức thu nhập khả dụng tăng lên đi kèm với tỷ lệ lạm phát thấp. Điều này giúp việc chi tiêu của người dân theo đó cũng đã tăng lên.

Thị trường dầu ăn vẫn phải đối mặt với những thay đổi và thách thức, chủ yếu là do việc chấm dứt thuế nhập khẩu dầu bắt đầu từ 7 tháng 5 năm 2017. Điều này có nghĩa là sẽ có những thay đổi lớn về động lực thị trường khi tất cả các Công ty đều được nhập khẩu dầu ăn trực tiếp mà không phải đóng thuế nhập khẩu. Mặc dù điều này chưa có tác động tức thời trong năm 2017, tuy nhiên khả

năng cạnh tranh ở thị trường nội địa sẽ tăng lên là vấn đề tất yếu. Thị trường dầu ăn Việt Nam năm 2017 tăng trưởng ổn định ở mức 6,0% so với năm ngoái. Tường An nhận thấy rằng xu hướng người tiêu dùng ở các khu vực thành thị bắt đầu dịch chuyển từ dầu động vật sang dầu thực vật nhờ vào nhận thức ngày càng tăng về vấn đề sức khỏe của người tiêu dùng. Ở các khu vực thành thị, thị trường tiếp tục xu hướng sử dụng các sản phẩm cao cấp do người tiêu dùng chú trọng đến yếu tố sức khỏe và đánh giá cao hơn các sản phẩm dầu ăn từ đậu nành. Xu hướng của ngành tiếp tục phát triển ổn định và tích cực trong dài hạn chủ yếu do những yếu tố đã được đề cập bên trên.

Là một phần trong chiến lược phát triển tổng thể, Tường An sẽ tiếp tục đẩy mạnh thương hiệu 40 năm để cung cấp các sản phẩm dầu ăn tốt cho người tiêu dùng. Thông qua việc đầu tư vào hệ thống phân phối và khả năng tiếp cận, Tường An sẽ phát triển mạnh mẽ hơn ở các khu vực nông thôn do sự dịch chuyển trong thói quen tiêu dùng từ mỡ động vật sang dầu thực vật. Trong khu vực thành thị, Tường An đẩy mạnh phân khúc cao cấp, điều này đã được thể hiện qua tỉ lệ tăng trưởng 37% của sản phẩm dầu nành dưới thương hiệu ***Dầu Nành Tường An.***

Ngoài mảng dầu ăn, chiến lược thực phẩm đóng gói đang bắt đầu được hiện thực hóa. Tường An nhìn thấy những tín hiệu tích cực ban đầu cho sự tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2018 này. Bằng cách tận dụng nền tảng hệ thống phân phối, Tường An có thể thử nghiệm và cho ra mắt các loại sản phẩm mới một cách nhanh chóng và tiết kiệm chi phí. Những sản phẩm mới bao gồm các loại thực phẩm mới và gia vị như là đường tinh luyện, mì gói và nước sốt. Chúng tôi sẽ tiếp tục sàng lọc giỏ sản phẩm nhằm đảm bảo đáp ứng được đúng tần suất mua hàng, sự đa dạng trong lựa chọn và đúng điểm bán hàng. Mục tiêu cuối cùng của chúng tôi là có được một danh mục sản phẩm đủ lớn để người tiêu dùng có thể tùy chọn trong giỏ hàng theo cách họ mong muốn. Vai trò về phân phối của Tường An trong việc hoàn tất chiến lược thực phẩm đóng gói của Tập đoàn là vô cùng quan trọng.

CÁC ĐIỂM NỔI BẬT VỀ TÀI CHÍNH

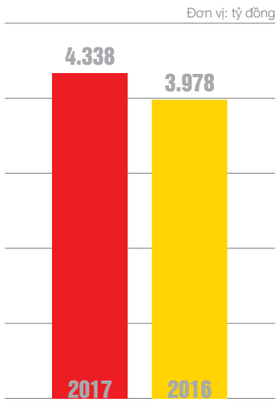

+ 9,0 %

DOANH THU THUẦN

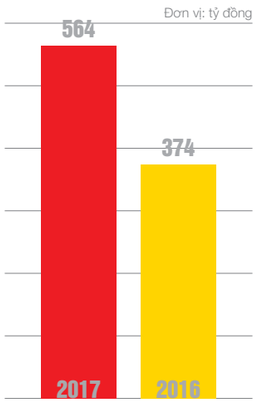

+ 50,7 %

LỢI NHUẬN GỘP

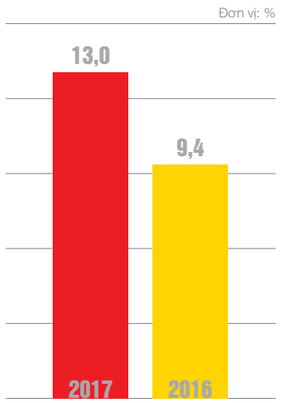

+ 3,6 %

BIÊN LỢI NHUẬN GỘP

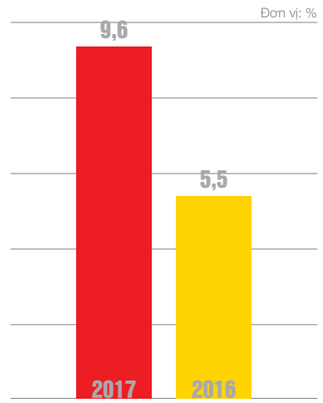

+ 4,1 %

LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRÊN TỔNG TÀI SẢN

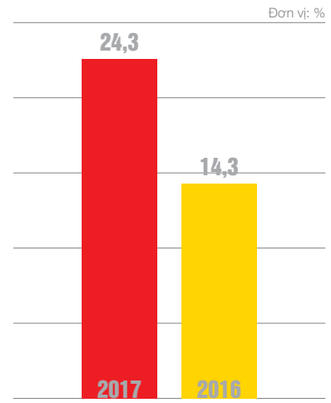

+ 10,0 %

LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRÊN VỐN CHỦ SỞ HỮU

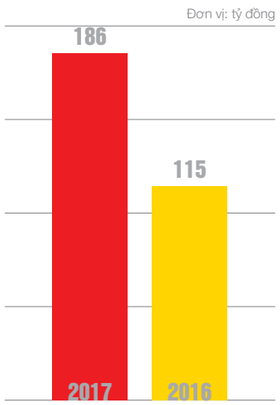

+ 61,7 %

THU NHẬP TRƯỚC THUẾ, LÃI VAY VÀ KHẤU HAO

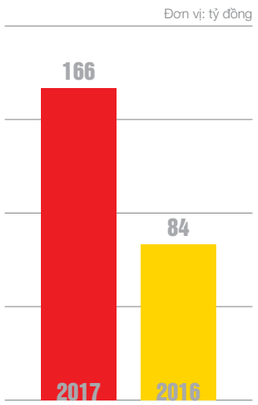

+ 98,2 %

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

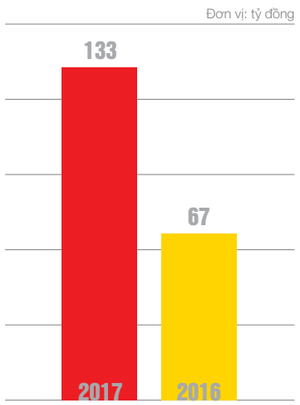

+ 98,3 %

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

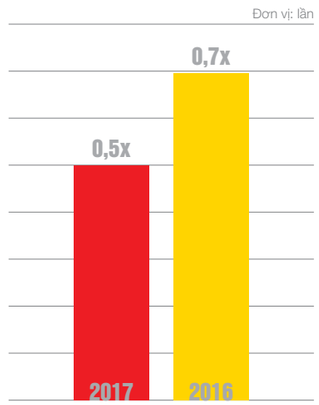

- 0,2 x

HỆ SỐ NỢ TRÊN VỐN CHỦ SỞ HỮU

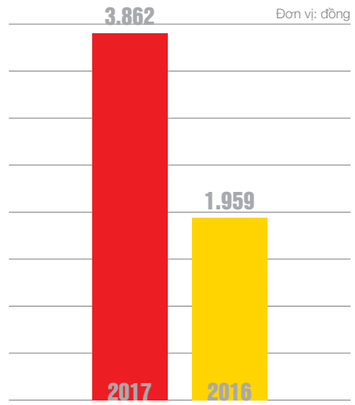

+ 97,1 %

THU NHẬP TRÊN MỖI CỔ PHIẾU

HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

DOANH THU THUẦN

4.338
TỶ ĐỒNG

Năm 2017, doanh thu thuần đạt 4.338 tỷ đồng, tăng 9,0% so với năm 2016 và cao hơn mức tăng trưởng chung của ngành. Điều này chủ yếu do Công ty tập trung tái cấu trúc danh mục sản phẩm hướng đến khai thác các sản phẩm ở phân khúc cao cấp tại các khu vực thành thị. Ngoài ra, thông qua quá trình hội nhập, Tường An đẩy mạnh đầu tư mở rộng phạm vi phân phối và sẽ tăng trưởng mạnh mẽ thông qua tiếp cận thị trường từ các sản phẩm mới. Tỷ lệ tăng trưởng của dòng sản phẩm cao cấp và phổ thông đạt được lần lượt 19,3% và 5,6%.

GIÁ VỐN VÀ LỢI NHUẬN GỘP

564
TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận gộp tăng từ 374 tỷ đồng lên 564 tỷ đồng so với năm 2016. Điều này chủ yếu là do tái cơ cấu danh mục sản phẩm dẫn đến biên lợi nhuận gộp tăng từ 9,4% năm 2016 lên 13,0% trong năm 2017 và cao hơn mức tăng lên của giá nguyên vật liệu là 8,8%. Điều này một phần được giải thích bởi sự biến động của giá nguyên liệu toàn cầu và sự chuyển đổi sang các sản phẩm có giá trị cao hơn.

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

414
TỶ ĐỒNG

Tổng chi phí hoạt động trong năm 2017 là 414 tỷ đồng, tăng mạnh 40,6% so với năm 2016, do chi phí bán hàng tăng, chiếm 355 tỷ đồng (tăng lên 58,5% so với năm ngoái). Chi phí này tăng lên chủ yếu do sự mở rộng nguồn nhân lực bán hàng và đầu tư vào hệ thống kênh phân phối. Điều này rất quan trọng trong việc Tường An đẩy mạnh thâm nhập sâu hơn vào các khu vực nông thôn và đồng thời bán được nhiều sản phẩm cao cấp hơn ở các khu vực thành thị. Ngoài ra, nguồn nhân lực bán hàng được mở rộng sẽ phục vụ cho việc mở rộng cung cấp những sản phẩm thực phẩm đóng gói mới sẽ ra mắt vào đầu năm 2018.

Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm nhẹ 15,7% trong năm 2017 (11 tỷ đồng) do việc tinh giảm bộ máy quản lý cũng như cắt giảm các chi phí khi tích hợp và nhận được sự hỗ trợ năng lực từ Tập đoàn.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

166
TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận trước thuế đạt 166 tỷ đồng, đạt 100,6% mục tiêu lợi nhuận đề ra trong năm 2017 và tăng mạnh mẽ 98,2% so với năm 2016 (84 tỷ đồng). Điều này là do mức tăng ở lợi nhuận gộp là 50,7% cao hơn mức tăng ở chi phí hoạt động so với năm ngoái. Tường An sẽ tận dụng được hiệu quả chi phí hoạt động thông qua nền tảng đã xây dựng cho mục tiêu tăng trưởng doanh thu trong giai đoạn tới.

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

295
TỶ ĐỒNG

Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm 2017 giảm 15,7% xuống còn 295 tỷ đồng do sự tăng lên ở khoản đầu tư tài chính ngắn hạn 353 tỷ đồng. Số dư tiền mặt tăng 85,3% đạt 648 tỷ đồng do giảm vòng quay tiền mặt. Việc cải thiện vòng quay hàng tồn kho, quản lý tốt các khoản phải thu và cải thiện chính sách mua hàng với nhà cung cấp giúp vòng quay tiền mặt giảm từ 39 ngày xuống 33 ngày trong năm 2017.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

115
TỶ ĐỒNG

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định đạt giá trị 115 tỷ đồng, giảm 16,8% so với mức 138 tỷ đồng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Sự suy giảm này chủ yếu là do khấu hao nhà máy sản xuất. Trong năm 2017, mục đích chi phí tài sản cố định của Tường An chủ yếu là sửa chữa và bảo dưỡng.

CÁC KHOẢN VAY

321
TỶ ĐỒNG

Các khoản vay ngắn hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 giảm từ 351 tỷ đồng năm 2016 còn 321 tỷ đồng. Đây là kết quả của việc tăng dòng tiền hoạt động kinh doanh (chủ yếu từ việc quản lý vốn lưu động được cải thiện). Nợ thuần của Tường An tại thời điểm cuối năm 2017 là 25 tỷ đồng so với 621 triệu đồng tại cuối năm 2016. Tỷ lệ nợ vay trên vốn chủ sở hữu ở mức 0,5 lần so với 0,7 lần năm 2016 và nằm trong mục tiêu đề ra.

VỐN CHỦ SỞ HỮU

605
TỶ ĐỒNG

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 là 605 tỷ đồng, tăng 24,3% so với năm ngoái. Một trong những lý do cho sự gia tăng này là Tường An đạt được lợi nhuận ròng cao hơn so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng từ 67 tỷ đồng lên 133 tỷ đồng. Điều này đã được bù đắp bởi sự tăng lên trong việc chi tiêu cho cơ sở hạ tầng bán hàng sau khi đã tính toán các chi phí phát triển liên quan đến cơ sở hạ tầng bán hàng. Tường An đã phát hành 13.286.132 cổ phiếu thưởng với tỉ lệ 70% bằng nguồn vốn đối ứng từ Quỹ đầu tư và phát triển và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu. Ngoài ra, Tường An đã phát hành 1.613.316 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động và chi trả cổ tức với tỉ lệ 16% trong năm 2017. Vốn điều lệ tăng từ 189 tỷ đồng năm 2016 lên 338 tỷ đồng năm 2017.

QUẢN LÝ RỦI RO

BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN LIỆU

Thay đổi giá nguyên liệu là một rủi ro đáng kể ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro này, Tường An luôn theo dõi giá nguyên liệu thế giới biến động hàng ngày và nhu cầu nguyên liệu sử dụng để có kế hoạch mua nguyên liệu thích hợp. Chúng tôi chia sẻ trách nhiệm và hợp tác với các nhà cung cấp để thống nhất được kế hoạch mua nguyên liệu rõ ràng, trong một số trường hợp, đảm bảo giá nguyên liệu cố định trong một khoảng thời gian nhất định để có được sự ổn định và chắc chắn trong chi phí sản xuất của chúng tôi.

RỦI RO THƯƠNG HIỆU

Nhằm mở rộng thị trường và tận dụng được hệ thống phân phối rộng khắp, Tường An đã bắt đầu phân phối các thực phẩm đóng gói mới từ các đối tác trong và ngoài nước. Trong suốt 40 năm qua, danh tiếng của Tường An đã được xây dựng thành công dựa trên sự tin tưởng của người tiêu dùng và sản phẩm do Công ty sản xuất. Mọi phản hồi không tốt hay các vấn đề về an toàn vệ sinh thực phẩm và/hoặc vấn đề tuân thủ khi phân phối sản phẩm có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến danh tiếng và thương hiệu của Tường An. Chúng tôi có những chính sách và quy trình nghiêm ngặt cũng như hợp tác chặt chẽ với các đối tác nhằm đảm bảo rằng các sản phẩm luôn có chất lượng cao nhất. Cùng với các đối tác, chúng tôi có các chính sách chủ động, có hệ thống quy trình và biện pháp kiểm soát để bảo đảm sản phẩm tuân thủ được các tiêu chuẩn nghiêm ngặt nhất của chúng tôi.

RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ THANH KHOẢN

Những thay đổi trên thị trường tài chính khu vực và toàn cầu có thể tác động đáng kể đến mức lãi suất, dẫn đến rủi ro liên quan đến khả năng sinh lời, tính thanh khoản và tài chính. Để giảm thiểu rủi ro này, chúng tôi chủ động theo dõi thị trường, thời gian đáo hạn nợ để đảm bảo rằng chúng tôi có đủ tiền mặt và số dư tiền mặt để thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp.

CÁC CUỘC HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

HĐQT giám sát chặt chẽ việc quản lý thông qua báo cáo hàng quý do Ban Điều hành cung cấp trong các cuộc họp quý.

STT	Số NQ	Ngày	Nội dung
1	02/QĐ-HĐQT.17	02/01/2017	Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu VPĐD tại Hà Nội
2	15/QĐ-HĐQT.17	17/01/2017	Quyết định nghỉ việc của Phó Tổng Giám đốc
3	20/NQ-HĐQT.17	06/03/2017	Nghị quyết triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
4	24/NQ-HĐQT.17	21/03/2017	Nghị quyết chốt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
5	32/NQ-HĐQT.17	20/04/2017	Nghị quyết tăng vốn cổ phần, sửa đổi Điều lệ và thay đổi Giấy Chứng nhận ĐKDN
6	36/NQ-HĐQT.17	28/04/2017	Nghị quyết chốt ngày đăng ký cuối cùng tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
7	42/NQ-HĐQT.17	07/06/2017	Nghị quyết bầu chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022
8	43/NQ-HĐQT.17	12/06/2017	Nghị quyết thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty
9	45/NQ-HĐQT.17	12/06/2017	Nghị quyết thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty
10	55/NQ-HĐQT.17	29/06/2017	Nghị quyết phê duyệt đơn vị kiểm toán BCTC năm 2017
11	69/NQ-HĐQT.17	06/07/2017	Nghị quyết chốt ngày lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt
12	71/NQ-HĐQT.17	07/07/2017	Nghị quyết triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động
13	72/NQ-HĐQT.17	10/07/2017	Nghị quyết thông qua quy chế ESOP, tiêu chuẩn người lao động, nguyên tắc xác định số cổ phiếu và thời gian thực hiện
14	100/NQ-HĐQT.17	28/09/2017	Nghị quyết thông qua việc tăng vốn cổ phần, sửa đổi Điều lệ và thay đổi giấy CN ĐKDN
15	116/NQ-HĐQT.17	22/12/2017	Nghị quyết mua lại cổ phiếu của CBCNV tham gia chương trình ESOP nghỉ việc làm cổ phiếu quỹ

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho đến cuối năm 2017, Tường An vẫn chưa thành lập Ủy Ban hoặc Tiểu Ban thuộc Hội đồng Quản trị.

Lan tỏa
khắp muôn nhà

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo kiểm toán 58
Thuyết minh Báo cáo tài chính 69

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	59 - 60
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	61
Báo cáo kiểm toán độc lập	62 - 63
Bảng cân đối kế toán	64 - 65
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	66
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	67 - 68
Thuyết minh báo cáo tài chính	69 - 91

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu Thực Vật Tường An ("Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy dầu Tường An thuộc Công ty Dầu Thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam) theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BCN ngày 4 tháng 6 năm 2004 của Bộ Công nghiệp (hiện nay là Bộ Công thương). Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002698 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 9 năm 2004, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các hạt có dầu, thạch dừa; sản xuất, kinh doanh các loại bao bì đóng gói; xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất chế biến ngành dầu thực vật.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Hạnh	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2017
Ông Trần Lệ Nguyên	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2017
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2017
Ông Kelly Yin Hon Wong	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2017
Ông Hà Bình Sơn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên	
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên	miễn nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Thuyết	Trưởng ban	
Ông Hồ Minh Sơn	Thành viên	
Bà Cao Hoài Thu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Đình Ngân	Thành viên	miễn nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Bình Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Đức Thịnh	Kế toán trưởng	
Ông Nguyễn Văn Lừng	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2017

THÔNG TIN CHUNG (TIẾP THEO)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Hạnh	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2017
Ông Trần Lệ Nguyên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2017

Ông Hà Bình Sơn được Bà Nguyễn Thị Hạnh ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 01/UQ-HĐQT.18 ngày 2 tháng 1 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu Thực Vật Tường An ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ✓ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ✓ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ✓ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ✓ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dầu Thực Vật Tường An ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 64 đến trang 91, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

VẤN ĐỀ KHÁC

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 10 tháng 3 năm 2017.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1

Lương Kim Diên An
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2736-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-DN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.423.014.730.537**	**1.035.437.560.726**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	4	**295.382.117.621**	**349.902.332.846**
111	1. Tiền		64.582.117.621	28.902.332.846
112	2. Các khoản tương đương tiền		230.800.000.000	321.000.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**353.000.000.000**	**-**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	353.000.000.000	-
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**	6	**164.464.953.552**	**116.293.525.685**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		150.946.830.011	114.601.389.672
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		691.077.234	444.767.250
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		12.827.046.307	1.247.368.763
140	**IV. Hàng tồn kho**	7	**581.645.608.624**	**541.756.313.649**
141	1. Hàng tồn kho		584.365.381.444	542.987.697.684
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.719.772.820)	(1.231.384.035)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**28.522.050.740**	**27.485.388.546**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	4.608.746.413	1.486.777.344
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		22.576.323.547	25.722.396.150
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	1.336.980.780	276.215.052
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**145.021.411.067**	**158.445.081.120**
210	**I. Phải thu dài hạn**		**2.040.291.702**	**-**
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	2.040.291.702	-
220	**II. Tài sản cố định**		**114.848.263.615**	**138.018.427.809**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	104.386.706.135	127.756.443.009
222	Nguyên giá		507.219.458.445	497.093.593.119
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(402.832.752.310)	(369.337.150.110)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	10.461.557.480	10.261.984.800
228	Nguyên giá		14.391.497.011	14.191.924.331
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.929.939.531)	(3.929.939.531)
240	**III. Tài sản dở dang dài hạn**		**1.876.060.313**	**1.952.447.591**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.876.060.313	1.952.447.591
260	**IV. Tài sản dài hạn khác**		**26.256.795.437**	**18.474.205.720**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	8.540.204.748	8.945.168.260
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	17.716.590.689	9.529.037.460
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.568.036.141.604**	**1.193.882.641.846**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

B01-DN

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**963.390.285.677**	**707.487.802.152**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**946.465.212.389**	**695.306.904.930**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	442.343.480.069	236.646.310.032
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	6.534.823.598	14.816.097.737
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	26.425.559.107	16.289.384.495
314	4. Phải trả người lao động		71.023.767.960	38.382.164.498
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	70.497.718.534	33.277.358.436
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	3.053.026.599	1.776.818.250
320	7. Vay ngắn hạn	17	320.563.610.411	350.523.774.208
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.023.226.111	3.594.997.274
330	**II. Nợ dài hạn**		**16.925.073.288**	**12.180.897.222**
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn		16.925.073.288	12.180.897.222
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**604.645.855.927**	**486.394.839.694**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	18	**604.645.855.927**	**486.394.839.694**
411	1. Vốn cổ phần		338.796.480.000	189.802.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*338.796.480.000*	*189.802.000.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.306.317.000	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		20.310.919.312	127.497.146.427
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	18.980.200.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		218.232.139.615	150.115.493.267
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*85.476.717.139*	*83.166.564.416*
421b	*- Lợi nhuận thuần sau thuế năm nay*		*132.755.422.476*	*66.948.928.851*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.568.036.141.604**	**1.193.882.641.846**

Nguyễn Phương Thảo
Người lập

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	19.1	4.427.714.235.206	3.995.040.191.032
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(89.941.514.143)	(17.112.198.980)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng	19.1	4.337.772.721.063	3.977.927.992.052
11	4. Giá vốn hàng bán	20	(3.773.926.331.144)	(3.603.759.875.433)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		563.846.389.919	374.168.116.619
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	25.679.808.301	18.693.613.252
22	7. Chi phí tài chính	21	(16.005.699.410)	(16.547.280.273)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(15.891.432.551)*	*(16.010.915.372)*
25	8. Chi phí bán hàng	22	(354.659.920.515)	(224.458.410.617)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(59.283.185.179)	(70.027.190.718)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		159.577.393.116	81.828.848.263
31	11. Thu nhập khác		6.668.128.536	2.011.987.004
32	12. Chi phí khác		(100.192.489)	(66.500)
40	13. Lợi nhuận khác		6.567.936.047	2.011.920.504
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		166.145.329.163	83.840.768.767
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(41.577.459.916)	(25.814.815.236)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25.1	8.187.553.229	8.922.975.320
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		132.755.422.476	66.948.928.851
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.4	3.862	1.959
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.4	3.862	1.959

Nguyễn Phương Thảo
Người lập

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03-DN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**166.145.329.163**	**83.840.768.767**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		35.983.368.331	35.281.798.945
03	Các khoản dự phòng		6.232.564.851	847.997.546
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.605.083	(636.913)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(24.934.431.201)	(18.064.336.180)
06	Chi phí lãi vay	21	15.891.432.551	16.010.915.372
08	**Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**199.321.868.778**	**117.916.507.537**
09	Tăng các khoản phải thu		(36.932.491.977)	(25.397.844.633)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(41.377.683.760)	78.868.712.305
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		263.565.079.443	(44.861.970.898)
12	Tăng chi phí trả trước		(3.681.953.446)	(553.910.843)
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.788.814.775)	(15.954.656.054)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(27.297.291.938)	(18.852.170.956)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		32.960.000	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.341.177.606)	(5.057.180.711)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**336.500.494.719**	**86.107.485.747**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(10.932.106.343)	(10.068.600.548)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		30.223.864	-
23	Tiền chi mua trái phiếu và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(353.000.000.000)	(131.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	386.000.000.000
26	Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	3.840.000.000
27	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		22.615.531.375	18.833.263.959
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư**		**(341.286.351.104)**	**267.604.663.411**

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		33.559.607.000	-
33	Tiền vay nhận được	17	2.181.158.402.498	2.405.273.643.359
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(2.211.118.566.295)	(2.450.154.036.266)
36	Cổ tức đã trả	18.2	(53.330.196.960)	(22.783.765.550)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(49.730.753.757)**	**(67.664.158.457)**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**(54.516.610.142)**	**286.047.990.701**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	**4**	**349.902.332.846**	**63.853.705.232**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.605.083)	636.913
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**295.382.117.621**	**349.902.332.846**

Nguyễn Phương Thảo
Người lập

Vũ Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Hà Bình Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dầu Thực Vật Tường An ("Công ty") là một Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy dầu Tường An thuộc Công ty Dầu Thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam) theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BCN ngày 4 tháng 6 năm 2004 của Bộ Công nghiệp (hiện nay là Bộ Công thương). Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002698 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 9 năm 2004, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các hạt có dầu, thạch dừa; sản xuất, kinh doanh các loại bao bì đóng gói; xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất chế biến ngành dầu thực vật.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.493 (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 832).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính

Công ty đã lập báo cáo tài chính này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ✓ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ✓ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ✓ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ✓ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ✓ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (TIẾP THEO)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa.	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được phân bổ.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 27 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 19 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí xây dựng nhà máy, chi phí lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất trong thời hạn 43 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư 45.

3.10 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh sẽ được hạch toán vào chi phí trong năm và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trích lập trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ✓ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ✓ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ✓ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ✓ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động thực vật. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty bán ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	63.998.094.821	28.492.300.205
Tiền mặt	584.022.800	410.032.641
Các khoản tương đương tiền	230.800.000.000	321.000.000.000
TỔNG CỘNG	**295.382.117.621**	**349.902.332.846**

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất theo mức lãi suất áp dụng.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)		203.000.000.000		-
Trái phiếu không chuyển đổi phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (**)	150.000	150.000.000.000	-	-
TỔNG CỘNG		**353.000.000.000**		**-**

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc bốn (4) tháng và hưởng lãi suất 5,4% một năm.

(**) Các trái phiếu có kỳ hạn gốc mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 8,0% một năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**150.946.830.011**	**114.601.389.672**
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	*17.044.087.074*	*5.544.795.740*
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	*34.502.996.000*	-
Khác	*99.399.746.937*	*109.056.593.932*
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**691.077.234**	**444.767.250**
Phải thu khác	**14.867.338.009**	**1.247.368.763**
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác	12.827.046.307	1.247.368.763
Trong đó:		
Cho cán bộ công nhân viên mượn tiền mua cổ phiếu của Công ty	*9.879.870.000*	-
Lãi tiền gửi	*2.858.616.667*	*513.625.000*
Khác	*88.559.640*	*733.743.763*
Phải thu dài hạn khác	2.040.291.702	-
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	*2.074.414.000*	-
Các bên khác	*12.792.924.009*	*1.247.368.763*
TỔNG CỘNG	**166.505.245.254**	**116.293.525.685**

7. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	316.638.427.612	361.159.099.949
Thành phẩm	103.478.195.123	124.077.325.310
Hàng đang đi trên đường	93.050.303.847	5.667.859.791
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	53.082.833.800	49.445.059.020
Hàng hóa	17.098.713.102	1.962.922.839
Công cụ, dụng cụ	1.016.907.960	675.430. 775
TỔNG CỘNG	**584.365.381.444**	**542.987.697.684**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.719.772.820)	(1.231.384.035)
GIÁ TRỊ THUẦN	**581.645. 608. 624**	**541. 756. 313.649**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.231.384.035	12.564.283.711
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.382.863.252	-
Trừ: Hoàn nhập trong năm	(1.894.474.467)	(11.332.899.676)
Số cuối năm	2.719.772.820	1.231.384.035

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	**4.608.746.413**	**1.486.777.344**
Công cụ, dụng cụ	3.375.740.257	1.486.777.344
Khác	1.233.006.156	-
Dài hạn	**8.540.204.748**	**8.945.168.260**
Tiền thuê đất trả trước	6.835.047.586	7.799.995.475
Công cụ, dụng cụ	1.054.935.095	648.638.022
Chi phí bảo trì	650.222.067	496.534.763
TỔNG CỘNG	**13.148.951.161**	**10.431.945.604**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	177.590.146.112	306.995.674.345	9.895.632.136	2.612.140.526	497.093.593.119
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.585.804.807	2.661.159.730	-	-	6.246.964.537
Mua mới trong năm	357.144.000	1.988.388.000	-	3.150.040.236	5.495.572.236
Thanh lý, nhượng bán	(1.183.426.858)	(433.244.589)	-	-	(1.616.671.447)
Số cuối năm	180.349.668.061	311.211.977.486	9.895.632.136	5.762.180.762	507.219.458.445
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*23.031.315.823*	*123.419.229.759*	*4.186.226.997*	*1.925.490.161*	*152.562.262.740*
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	112.831.058.278	247.329.004.723	7.027.992.584	2.149.094.525	369.337.150.110
Khấu hao trong năm	14.280.056.868	19.522.285.740	1.000.638.674	215.439.160	35.018.420.442
Thanh lý, nhượng bán	(1.089.573.653)	(433.244.589)	-	-	(1.522.818.242)
Số cuối năm	126.021.541.493	266.418.045.874	8.028.631.258	2.364.533.685	402.832.752.310
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	64.759.087.834	59.666.669.622	2.867.639.552	463.046.001	127.756.443.009
Số cuối năm	54.328.126.568	44.793.931.612	1.867.000.878	3.397.647.077	104.386.706.135

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	13.671.924.331	520.000.000	14.191.924.331
Mua mới trong năm	-	199.572.680	199.572.680
Số cuối năm	13.671.924.331	719.572.680	14.391.497.011
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	*3.409.939.531*	*520.000.000*	*3.929.939.531*
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm và số cuối năm	3.409.939.531	520.000.000	3.929.939.531
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.261.984.800	-	10.261.984.800
Số cuối năm	10.261.984.800	199.572.680	10.461.557.480

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lắp đặt máy móc	1.703.922.000	1.933.658.391
Khác	172.138.313	18.789.200
TỔNG CỘNG	**1.876.060.313**	**1.952.447.591**

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	302.281.075.008	176.527.384.534
Phải trả các bên khác	140.062.405.061	60.118.925.498
TỔNG CỘNG	**442.343.480.069**	**236.646.310.032**

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Phát An	812.642.970	29.681.286
Khác	5.722.180.628	14.786.416.451
TỔNG CỘNG	**6.534.823.598**	**14.816.097.737**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.475.798.605	41.577.459.916	(27.297.291.938)	25.755.966.583
Thuế giá trị gia tăng	-	98.307.676.889	(97.859.484.126)	448.192.763
Thuế thu nhập cá nhân	(237.814.150)	4.150.321.886	(5.130.161.302)	(1.217.653.566)
Thuế khác	4.775.184.988	5.631.507.488	(10.304.619.929)	102.072.547
TỔNG CỘNG	**16.013.169.443**	**149.666.966.179**	**(140.591.557.295)**	**25.088.578.327**
Trong đó:				
Thuế phải nộp	*16.289.384.495*			*26.425.559.107*
Thuế nộp thừa	*(276.215.052)*			*(1.336.980.780)*

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu	67.544.516.657	32.630.521.145
Chi phí lãi vay	351.894.548	249.276.772
Khác	2.601.307.329	397.560.519
TỔNG CỘNG	**70.497.718.534**	**33.277.358.436**

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	2.766.692.585	1.657.119.350
Cổ tức phải trả	88.768.920	69.053.000
Khác	197.565.094	50.645.900
TỔNG CỘNG	**3.053.026.599**	**1.776.818.250**

17. VAY NGẮN HẠN

VND

	Số đầu năm	Vay	Trả nợ vay	Số cuối năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	272.523.774.208	798.327.460.606	(986.810.285.437)	84.040.949.377
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	78.000.000.000	835.256.302.261	(676.733.641.227)	236.522.661.034
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	547.574.639.631	(547.574.639.631)	-
TỔNG CỘNG	**350.523.774.208**	**2.181.158.402.498**	**(2.211.118.566.295)**	**320.563.610.411**

Công ty có các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Số cuối năm được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	236.522.661.034	Từ ngày 10 tháng 2 năm 2018 đến ngày 20 tháng 3 năm 2018	Từ 4,8 đến 5,5
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	84.040.949.377	Từ ngày 17 tháng 2 năm 2018 đến ngày 1 tháng 3 năm 2018	Từ 5,2 đến 5,3
TỔNG CỘNG	**320.563.610.411**		

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016						
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	189.802.000.000	-	120.523.149.443	18.980.200.000	118.351.799.892	447.657.149.335
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	-	-	-	-	66.948.928.851	66.948.928.851
Trích lập các quỹ	-	-	6.973.996.984	-	(12.408.995.476)	(5.434.998.492)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(22.776.240.000)	(22.776.240.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	**189.802.000.000**	**-**	**127.497.146.427**	**18.980.200.000**	**150.115.493.267**	**486.394.839.694**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017						
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	189.802.000.000	-	127.497.146.427	18.980.200.000	150.115.493.267	486.394.839.694
Phát hành cổ phiếu (*)	132.861.320.000	-	(113.881.120.000)	(18.980.200.000)	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	-	-	-	-	132.755.422.476	132.755.422.476
Trích lập các quỹ	-	-	6.694.892.885	-	(10.042.339.328)	(3.347.446.443)
Cổ tức đã công bố (**)	-	-	-	-	(54.207.436.800)	(54.207.436.800)
Thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(389.000.000)	(389.000.000)
Phát hành cổ phiếu cho công nhân viên (***)	16.133.160.000	27.306.317.000	-	-	-	43.439.477.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	**338.796.480.000**	**27.306.317.000**	**20.310.919.312**	**-**	**218.232.139.615**	**604.645.855.927**

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường 2017 ngày 10 tháng 2 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành 13.286.132 cổ phiếu mới với mệnh giá 10.000 VND trên một cổ phiếu bằng nguồn vốn đối ứng từ quỹ đầu tư và phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu này vào ngày 9 tháng 5 năm 2017, và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy CNĐKKD điều chỉnh lần thứ 8 ngày 26 tháng 6 năm 2017.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2017 ngày 7 tháng 6 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt tại mức 16% trên mệnh giá. Vào ngày 6 tháng 7 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt phương án chi trả cổ tức này. Vào ngày 11 tháng 7 năm 2017, Công ty đã nhận được Quyết định số 826/TB-SGDHCM cấp bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận phương án chi trả cổ tức này.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường 2017 ngày 10 tháng 2 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành mới 1.613.316 cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn sở hữu cổ phiếu của Công ty áp dụng cho các cán bộ chủ chốt. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu này vào ngày 5 tháng 10 năm 2017, và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy CNĐKKD điều chỉnh lần thứ 10 ngày 21 tháng 10 năm 2017.

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	189.802.000.000	189.802.000.000
Tăng trong năm	148.994.480.000	-
Số cuối năm	**338.796.480.000**	**189.802.000.000**
Cổ tức		
Cổ tức công bố trong năm	**54.207.436.800**	**22.776.240.000**
Cổ tức năm 2016: VND 1.600/cổ phiếu	54.207.436.800	-
Cổ tức năm 2015: VND 2.000/cổ phiếu	-	22.776.240.000
Cổ tức đã trả trong năm	**53.330.196.960**	**22.783.765.550**

18.3 Cổ phiếu

Số cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	33.879.648	18.980.200
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	33.879.648	18.980.200
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	33.879.648	18.980.200

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

18.4 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	132.755.422.476	66.948.928.851
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	(6.637.771.124)	(3.736.446.443)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	**126.117.651.352**	**63.212.482.408**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (**)	32.654.233	32.266.332
Lãi cơ bản (VND)	3.862	1.959
Lãi suy giảm (VND)	3.862	1.959

Không có sự suy giảm tiềm tàng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và vào ngày của báo cáo tài chính.

(*) Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2017 ngày 7 tháng 6 năm 2017.

Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã trừ khoản trích quỹ khen thưởng và phúc lợi được ước tính bằng 5% lợi nhuận để lại của năm 2017.

(**) Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh để phản ánh việc phát hành cổ phiếu bằng nguồn vốn đối ứng từ quỹ đầu tư và phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu vào ngày 9 tháng 5 năm 2017.

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu bán hàng hóa	**4.427.714.235.206**	**3.995.040.191.032**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(89.941.514.143)**	**(17.112.198.980)**
Chiết khấu thương mại	*(66.652.952.166)*	*(11.221.970.442)*
Hàng bán bị trả lại	*(23.288.561.977)*	*(5.890.228.538)*
DOANH THU THUẦN	**4.337.772.721.063**	**3.977.927.992.052**
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	*81.308.476.903*	*24.453.449.850*
Các bên khác	*4.256.464.244.160*	*3.953.474.542.202*

19. DOANH THU (TIẾP THEO)

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	24.960.523.042	15.856.336.180
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	2.016.000.000
Khác	719.285.259	821.277.072
TỔNG CỘNG	**25.679.808.301**	**18.693.613.252**

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.749.107.481.540	3.567.851.380.629
Giá vốn của hàng hóa đã bán	23.712.247.157	47.241.394.480
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	1.106.602.447	(11.332.899.676)
TỔNG CỘNG	**3.773.926.331.144**	**3.603.759.875.433**

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	15.891.432.551	16.010.915.372
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	114.266.859	536.364.901
TỔNG CỘNG	**16.005.699.410**	**16.547.280.273**

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	156.839.050.028	39.852.796.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.678.199.287	62.831.157.580
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	64.845.036.069	54.729.269.801
Chi phí hoa hồng và hỗ trợ nhà phân phối	25.152.746.220	58.508.760.197
Chi phí nguyên vật liệu và dụng cụ	5.279.849.628	2.256.817.964
Khác	7.865.039.283	6.279.608.582
TỔNG CỘNG	**354.659.920.515**	**224.458.410.617**

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	39.314.139.475	29.519.532.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.091.444.525	6.381.119.993
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.005.685.156	955.262.053
Khác	8.871.916.023	33.171.275.956
TỔNG CỘNG	**59.283.185.179**	**70.027.190.718**

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	3.738.787.588.806	3.610.274.364.537
Chi phí nhân công	268.566.253.870	141.602.423.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.496.743.503	87.338.384.524
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	35.018.420.442	35.281.798.945
Khác	108.535.909.210	154.137.191.731
TỔNG CỘNG	**4.295.404.915.831**	**4.028.634.163.090**

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế (Năm 2016: 20%).

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 CHI PHÍ THUẾ TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	41.577.459.916	25.814.815.236
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(8.187.553.229)	(8.922.975.320)
TỔNG CỘNG	**33.389.906.687**	**16.891.839.916**

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

25.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thu nhập chịu thuế:

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**166.145.329.163**	**83.840.768.767**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty (2016: 20%)	33.229.065.832	16.768.153.753
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	145.136.356	123.686.163
Chi phí thuế TNDN trong năm	**33.374.202.188**	**16.891.839.916**
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	15.704.499	-
Chi phí thuế TNDN	**33.389.906.687**	**16.891.839.916**

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí phải trả	14.028.544.961	6.605.616.333	7.422.928.628	6.605.616.333
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.385.014.658	2.436.179.444	948.835.214	2.436.179.444
Chi phí khấu hao	303.031.070	487.241.683	(184.210.613)	(118.820.457)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**17.716.590.689**	**9.529.037.460**		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			**8.187.553.229**	**8.922.975.320**

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các Công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các Công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một Công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các Công ty liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – CTCP ("VOC")	Bên liên quan	Mua nguyên liệu	2.498.322.301.431	2.431.877.844.335
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("KDC")	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	23.101.642.504	4.192.104.400
		Phí thuê văn phòng	5.073.086.025	627.905.250
		Phí lắp đặt và bảo trì văn phòng	2.640.056.672	-
		Mua nguyên liệu	1.240.158.600	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO ("KDF")	Bên liên quan	Bán hàng hóa	35.746.463.000	20.261.345.450
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ KIDO ("KTS")	Bên liên quan	Bán hàng hóa	22.460.371.399	-
		Mua hàng hóa	655.465.990	-
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu Thực vật ("VPK")	Bên liên quan	Mua bao bì	6.466.881.056	6.613.468.300
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Rồng Việt")	Bên liên quan	Mua trái phiếu	150.000.000.000	-

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn				
KTS	Bên liên quan	Bán hàng hóa	15.092.876.039	-
KDF	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.884.732.300	933.480.900
KDC	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	66.478.735	4.611.314.840
			17.044.087.074	**5.544.795.740**
Phải thu khác				
KDC	Công ty mẹ	Đặt cọc thuê văn phòng	1.674.414.000	-
Rồng Việt	Bên liên quan	Lãi trái phiếu	400.000.000	-
			2.074.414.000	**-**
Phải trả người bán ngắn hạn				
VOC	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	(299.498.188.913)	(176.115.513.888)
VPK	Bên liên quan	Mua hàng hóa	(2.782.886.095)	(411.870.646)
			(302.281.075.008)	**(176.527.384.534)**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

VND

	Năm nay	Năm trước
Thù lao và thưởng	4.249.652.083	6.140.803.999

27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	5.529.762.000	627.845.122
Từ 1 đến 5 năm	21.869.568.000	2.511.380.488
Trên 5 năm	1.329.174.000	11.099.424.050
TỔNG CỘNG	**28.728.504.000**	**14.238.649.660**

28. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	253.016,72	3.026,43

29. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính của năm nay. Chi tiết như sau:

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Trả trước cho người bán ngắn hạn	881.015.250	(436.248.000)	444.767.250
Phải thu ngắn hạn khác	811.120.763	436.248.000	1.247.368.763
Dự phòng phải ngắn hạn	12.180.897.222	(12.180.897.222)	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	12.180.897.222	12.180.897.222

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

Nguyễn Phương Thảo	**Vũ Đức Thịnh**	**Hà Bình Sơn**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN
Lầu 10, Tòa nhà Empress, 138-142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam
T: (028) 38 277 489 - F: (028) 38 277 832 - E: info@kdc.vn
www.tuongan.com.vn